

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TRỊNH HÙNG

**TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CỬ CHI,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TRỊNH HÙNG

**TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CỬ CHI,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÌNH HÌNH TỘI PHẠM	6
1.1. Khái niệm, phân loại của tình hình tội phạm.....	6
1.2. Những yếu tố tác động đến tình hình tội phạm	30
1.3. Mối quan hệ giữa tình hình tội phạm với nhân thân người phạm tội và nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm	31
Chương 2: TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	34
2.1. Tình hình tội phạm rõ trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh	34
2.2. Tình hình tội phạm ẩn trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh	49
2.3. Dự báo về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 5 năm tới	52
Chương 3: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN CỬ CHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	54
3.1. Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh và việc tăng cường các giải pháp phòng ngừa	54
3.2. Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh và việc hoàn thiện tổ chức phòng ngừa.....	66
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	73

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016.....	34
Bảng 2.2. Cơ cấu hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	35
Bảng 2.3. Mức độ tội danh xảy ra của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 so với số tội danh Bộ luật hình sự quy định.....	36
Bảng 2.4. Mức độ nhóm tội “xâm phạm sở hữu” trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	36
Bảng 2.5. Mức độ nhóm tội “ma túy” trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	37
Bảng 2.6. Mức độ tội danh xảy ra nhiều nhất trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016.....	38
Bảng 2.7. Cơ cấu theo tội danh cụ thể của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	41
Bảng 2.8. Cơ cấu theo địa bàn phạm tội của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	43
Bảng 2.9. Cơ cấu theo loại hình phạt áp dụng của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	44
Bảng 2.10. Cơ cấu theo độ tuổi người phạm tội của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	46
Bảng 2.11. Cơ cấu theo trình độ học vấn của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	46
Bảng 2.12. Cơ cấu theo đặc điểm có nghề nghiệp và không có nghề nghiệp của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	47

Bảng 2.13. Cơ cấu theo đặc điểm tái phạm; tiền án, tiền sự của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	47
Bảng 2.14. Tỷ lệ vụ án khởi tố và vụ án xét xử của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016.	50

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Củ Chi là một huyện ngoại thành, nằm về phía Tây Bắc của Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 60km theo đường Xuyên Á. Phía bắc giáp huyện Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh, phía nam giáp huyện Hóc Môn, phía đông giáp với huyện Bến Cát thuộc tỉnh Bình Dương, phía tây giáp với huyện Đức Hòa thuộc tỉnh Long. Cơ cấu lãnh thổ được chia thành 1 thị trấn và 20 xã, diện tích tự nhiên 43.496 ha, dân số 389.049 người, mật độ dân số trung bình 889 người/km².

Trong những năm qua kinh tế huyện Củ Chi phát triển bền vững ổn định, tăng trưởng kinh tế trung bình từ 2012- 2016 đạt 14,24 %, đời sống nhân dân được cải thiện, nâng lên đáng kể. Thu ngân sách đạt khá vì thế chính quyền địa phương có điều kiện đảm bảo cho an sinh xã hội, giáo dục, an ninh trật tự vv. Hàng năm trên lĩnh vực đảm bảo an ninh trật tự, phòng, chống tội phạm được chính quyền thành phố, huyện, xã, thị trấn quan tâm bằng nhiều nghị quyết lãnh đạo, chương trình kế hoạch phòng, chống tội phạm. Huy động được các đoàn thể, nhân dân tham gia vào phong trào bảo vệ an ninh, trật tự.

Mặc dù có sự vào cuộc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức và đông đảo nhân dân, hệ thống cơ quan chuyên trách về phòng, chống tội phạm song tội phạm xảy ra trên địa bàn trong những năm qua vẫn có xu hướng tăng đặc biệt là các tội về ma túy, các tội về chiếm đoạt tài sản. Hệ quả của nó làm gây hoang mang dư luận trong nhân dân, gây hại cho hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất, làm mất ổn định trật tự, ảnh hưởng đến cuộc sống an toàn của người dân.

Qua nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa tội phạm được áp dụng trên địa bàn theo cả quy mô cấp thành phố, quy mô cấp huyện, quy mô cấp xã, thị trấn hay của các cơ quan chuyên trách nhận thấy: Các biện pháp phòng ngừa chưa có sự liên kết, hỗ trợ, cộng hưởng lẫn nhau giữa các quy mô triển khai; các kế hoạch phòng ngừa không có trọng tâm, trọng điểm mà dàn trải dẫn đến thiếu kinh phí, lực lượng

và tất yếu hiệu quả thấp; không xuất phát từ những đặc điểm riêng có của địa bàn mà áp dụng nguyên xi các địa bàn khác; sự thiếu trách nhiệm trong thực thi của các lực lượng được giao làm nòng cốt, sự tham gia của nhân dân còn hình thức, chưa thật sự tự nguyện.

Trước yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự cho địa bàn quan trọng về cả kinh tế, chính trị, xã hội, sự gia tăng liên tục trên thực tế của tội phạm, sự thiếu hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa, sự tham gia chưa thực sự của người dân, đã đến lúc cần có một nghiên cứu đầy đủ về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi. Trên cơ sở nghiên cứu đó thiết kế hệ thống các biện pháp phòng ngừa hiệu quả trên thực tế. Với mong muốn đó cùng với mức độ hiểu biết của mình, học viên chọn nghiên cứu Đề tài: **“Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh”** làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua, tầm quan trọng của nghiên cứu tội phạm học phục vụ cho phòng ngừa tội phạm đã được khẳng định. Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cũng như một số địa bàn quận, huyện đã được nhiều tác giả nghiên cứu về tội phạm học tiến hành, cụ thể: luận văn thạc sĩ “các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Phan Tô Ngọc; luận văn thạc sĩ “các tội xâm phạm trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Trần Văn Tùng; luận văn thạc sĩ “các tội về tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Nguyễn Thị Hồng Nhung; luận văn thạc sĩ “các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Nhà Bè Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Nguyễn Thanh Tú; một số đề tài khác nghiên cứu về tội phạm học được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đó chỉ tập trung theo hướng nghiên cứu về một tội phạm hoặc một nhóm tội phạm. Điều đó thiết thực cho việc phòng ngừa

một loại tội phạm hoặc một nhóm tội phạm. Với mục đích đảm bảo an ninh, trật tự cho một địa bàn quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội thì hướng nghiên cứu đó là chưa đầy đủ. Theo nhận thức của cá nhân, để giải quyết được mục đích đặt ra cần phải được nghiên cứu một cách tổng thể về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó tìm ra nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm trên chính địa bàn, thiết kế và triển khai biện pháp phòng ngừa hiệu quả, và cũng chính từ thực tiễn tình hình tội phạm đó là cơ sở cho đề xuất hoàn thiện pháp luật.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về tình hình tội phạm và tình hình tội phạm tại huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh - đề xuất các giải pháp hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa và tổ chức thực hiện phòng ngừa tội phạm trên địa bàn huyện.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, Luận văn thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về tình hình tội phạm.
- Nghiên cứu tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 đưa ra dự báo về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trên cơ sở thực tiễn và dự báo đề xuất hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa và tổ chức thực hiện phòng ngừa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn bao gồm:

- Nghiên cứu lý luận chung về tình hình tội phạm.
- Nghiên cứu tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học.

Về không gian phạm vi nghiên cứu được giới hạn tại địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thời gian, Luận văn này thu thập số liệu thống kê và nghiên cứu các bản án về các tội phạm được thực hiện trên địa bàn huyện Củ Chi trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2016

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và nhà nước về phòng ngừa tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành việc nghiên cứu, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp thống kê; phương pháp phân tích; phương pháp tổng hợp; phương pháp so sánh; phương pháp tổng khảo sát thực tiễn; phương pháp phỏng vấn chuyên gia; phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp vụ việc điển hình.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn nghiên cứu hệ thống lý luận về tình hình tội phạm, áp dụng lý luận đó để khảo sát về tình hình tội phạm trên địa bàn thực tế. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm phong phú thêm lý luận về tình hình tội phạm, về sự áp dụng lý luận vào nghiên cứu thực tế, là tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy và nghiên cứu sau này.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng trong công tác phòng ngừa tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh cũng như có giá trị tham khảo cho các địa bàn tương tự khác.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được cơ cấu thành ba chương gồm:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về tình hình tội phạm.

Chương 2: Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Những vấn đề đặt ra đối với phòng ngừa tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÌNH HÌNH TỘI PHẠM

1.1. Khái niệm, phân loại của tình hình tội phạm

1.1.1. Khái niệm của tình hình tội phạm

Con người phải sống chung với nhau trong xã hội loài người, không thể có “con người” sống biệt lập, tách rời với xã hội loài người. Trong xã hội người đó, nhân cách mỗi cá nhân đồng thời mang trong mình bản chất chung của xã hội và cả những đặc điểm riêng có của mỗi người. Chính cái sự riêng có đó đã làm cho mỗi cá nhân tư duy và hành động không hoàn toàn giống nhau, có thể xâm phạm lẫn nhau. Và sự ra đời của những quy chuẩn, chuẩn mực chung để hướng dẫn hành vi của mọi cá nhân để duy trì sự tồn tại, vận động, phát triển chung của xã hội là tất yếu khách quan. Quy chuẩn đó như ta đã biết đó là quy chuẩn đạo đức, tôn giáo, các quy chuẩn xã hội khác. Đến một giai đoạn nhất định của lịch sử xã hội loài người, có sự ra đời của một loại quy chuẩn hữu hiệu hơn mà ta gọi là pháp luật. Pháp luật ra đời cùng với các thiết chế bảo đảm của nó hướng dẫn, bắt buộc mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội thực hiện các hành vi của mình theo chuẩn mực đó. Những hành vi vi phạm nghiêm trọng chuẩn mực đó được con người khái niệm nó là tội phạm, là những hành vi gây hại cho cuộc sống chung của xã hội, cần phải được hạn chế, loại trừ.

Luật hình sự đi tìm trong các hành vi gây hại đó cân nhắc đâu là những hành vi nguy hiểm nhất để định nghĩa thế nào là tội phạm và áp đặt chế tài là nhằm để trừng trị những cá nhân vi phạm, đảm bảo công lý, làm cho mọi cá nhân khác nhìn thấy hậu quả bất lợi mà phải tuân thủ để đảm bảo trật xã hội. Đó là sự phản ứng của xã hội mà đại diện nó là nhà nước đối với chủ thể thực hiện nó đồng thời thể hiện cho toàn xã hội. Phải thừa nhận rằng, cách giải quyết vấn đề tội phạm như trên có hiệu quả trong những giai đoạn lịch sử nhất định và vẫn là thiết thực cho đến giai đoạn hiện nay.

Xã hội loài người tiếp tục phát triển, hiện tượng tội phạm không những không mất đi, hạn chế đi mà còn tăng lên cả về số lượng và tính chất nguy hiểm

mặc dù các nhà nước đã áp dụng những hình phạt nghiêm khắc nhất. Thực tế đó không chỉ xảy ra ở phạm vi một quốc gia mà ở hầu hết các quốc gia và nó đòi hỏi con người phải đi tìm hướng giải quyết khác đối với vấn đề tội phạm theo cách tiếp cận mới: Tội phạm học.

Tội phạm học không đi tìm đâu là hành vi cần định nghĩa nó là tội phạm và cũng không tìm cách thể hiện sự phản ứng bằng chế tài với nó mà đi tìm bản chất nó là gì; có quan hệ như thế nào với các quá trình, hiện tượng xã hội khác; nguyên nhân phát sinh ra nó là gì, nằm ở đâu; làm thế nào để ngăn nó phát sinh và sự tăng lên về số lượng và tính chất nguy hiểm. Đây là hướng tiếp cận biện chứng hơn, nhân văn hơn. Một mặt, đi tìm và giải quyết các nguyên nhân làm phát sinh tội phạm trong lòng xã hội là làm thu hẹp, hạn chế, loại bỏ những nguyên nhân làm cho cái xấu, điều ác phát sinh là làm cho xã hội phát triển bền vững, tốt đẹp. Mặt khác việc tìm cách không để cho tội phạm xảy ra, phát sinh, gia tăng là làm cho xã hội hạn chế gánh nặng hậu quả nguy hiểm của tội phạm, không phải chi phí cho việc trừng trị, giáo dục, cải tạo người phạm tội. Và nhân văn hơn cả là giúp mọi cá nhân trong xã hội không trở thành người phạm tội tiềm tàng để họ có quyền sống cuộc đời có ý nghĩa hơn.

Khoa học là việc nhận thức có quy luật và tìm ra quy luật để giải quyết vấn đề cuộc sống. Tội phạm học là việc nhận thức có quy luật và tìm ra quy luật về hiện tượng tội phạm để giải quyết hiện tượng tội phạm theo yêu cầu của đời sống xã hội đặt ra. Việc nhận thức các sự vật, hiện tượng chỉ có thể thông qua phản ánh. Vậy hiện tượng tội phạm được phản ánh ở đâu? Tình hình tội phạm là gì? Và một thực tế hiển nhiên rằng để giải quyết vấn đề tội phạm ở một địa bàn nhất định chúng ta phải bắt đầu bằng việc nghiên cứu, nhận thức về tình hình tội phạm ở địa bàn đó. Đó là nơi cung cấp toàn bộ “chất liệu thực tế” để xử lý bằng hệ thống tri thức có được (lý luận) và đưa ra giải pháp tác động vào nó để nó vận động theo mục đích đề ra.

Tình hình tội phạm là đối tượng nghiên cứu cơ bản, đầu tiên của tội phạm học, “khái niệm tình hình tội phạm được hình thành bằng cách chuyển mức độ nhận thức từ sự kiện, hành vi và khái niệm tội phạm đơn nhất đến một khái niệm chung

hơn, khái quát hơn, phức tạp hơn” [46, tr. 54]

Tình hình tội phạm là khái niệm đang được tranh luận, chưa thống nhất về tên khái niệm cũng như cách định nghĩa.

“Tình hình tội phạm là trạng thái, xu thế vận động của (các) tội phạm (hoặc nhóm tội phạm hoặc một loại tội phạm) đã xảy ra trong một đơn vị không gian và đơn vị thời gian nhất định” [17, tr. 174]

“Tình hình tội phạm là toàn bộ tình hình, cơ cấu, động thái, diễn biến của các loại tội phạm hay từng loại tội phạm trong một giai đoạn nhất định xảy ra trong một lĩnh vực, một địa phương, trong phạm vi quốc gia, khu vực hoặc toàn thế giới trong khoảng thời gian nhất định” [17, tr. 171]

“Tình hình tội phạm là hiện tượng tâm- sinh lý- xã hội tiêu cực, vừa mang tính lịch sử và lịch sử cụ thể, vừa mang tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp, được biểu hiện thông qua tổng thể các hành vi phạm tội cùng chủ thể thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định” [9, tr. 107].

“Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý- hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định” [46, tr. 61].

Trong các quan điểm trên, quan điểm thứ tư theo cá nhân là toàn diện và đầy đủ hơn cả. Một mặt vừa nêu lên được bản chất của hiện tượng xã hội (tội phạm) đang diễn ra trong xã hội, mặt khác bao hàm được nội dung phản ánh của hiện tượng tội phạm là một tổng thể hoàn chỉnh bao gồm các nội dung cấu thành tổng thể đó, mối liên hệ của các yếu tố trong tổng thể, mối liên hệ của tổng thể đó với bên ngoài là các quá trình, hiện tượng xã hội khác.

Tình hình tội phạm phát sinh trong giai đoạn nhất định của xã hội loài người, khi môi trường xã hội hội đủ các yếu tố cần thiết để tội phạm ra đời. Sau khi ra đời tình hình tội phạm phải được sự “chấp nhận” của môi trường xã hội để tồn tại trong đó. Bản chất của nó mang nội dung xã hội, chống lại quy chuẩn xã hội, do con người sống trong xã hội thực hiện, có nguyên nhân từ chính môi trường xã hội, gây

hại cho đời sống xã hội. Đó phải là hiện tượng xã hội chứ không thể là hiện tượng nào khác.

Tình hình tội phạm trong tổng thể chung của nó không phải là hiện tượng thúc đẩy sự phát triển xã hội mà là hiện tượng xã hội tiêu cực, chống đối lại các quy chuẩn chung, các chuẩn mực đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển của xã hội, cần phải được kiểm soát, hạn chế, đẩy lùi. Hậu quả của hiện tượng tội phạm để lại cho xã hội rất lớn, đó không chỉ là thiệt hại về vật chất, tính mạng sức khỏe, thiệt hại về tinh thần mà còn làm đảo lộn cả một xã hội, phá vỡ cấu trúc xã hội, ảnh hưởng đến hàng triệu người. Tội phạm khủng bố đang tiếp diễn hiện nay tại khu vực Trung Đông đang cho chúng ta thấy hậu quả tội phạm gây ra lớn lao đến mức nào.

Mặc dù nghiên cứu tội phạm dưới góc độ là hiện tượng xã hội, nhưng tình hình tội phạm cũng mang tính pháp lý- hình sự. Chính luật hình sự nhận diện cho ta biết hành vi nào là hành vi phạm tội, chỉ có sự quy định của luật hình sự thì một hành vi nào đó mới là tội phạm. Trên quan điểm của chính sách hình sự, hoạt động tội phạm hóa, phi tội phạm hóa, hình sự hóa, phi hình sự hóa đều tác động đến “bức tranh” tổng thể của tình hình tội phạm.

Phát sinh và tồn tại trong xã hội có giai cấp, hiện tượng tội phạm hay tình hình tội phạm tất yếu mang tính giai cấp. Tính giai cấp thể hiện trong việc quy định những hành vi nào là tội phạm, thái độ cụ thể đối với nó nhằm sử dụng phương tiện là luật hình sự, công cụ là nhà nước để bảo vệ quyền lợi của giai cấp đang nắm giữ quyền lực chính trị. Có những tội phạm cụ thể (bộ phận trong tổng thể tình hình tội phạm) thể hiện sự mâu thuẫn giai cấp. Tuy nhiên chúng ta phải nhận thấy được tính xã hội sâu sắc của nó, tình hình tội phạm về cơ bản là hiện tượng xã hội tiêu cực chống lại các giá trị văn minh phổ quát của xã hội loài người, giai cấp nào, lực lượng nào được trao quyền lãnh đạo xã hội cũng phải xác định được điều đó. Tại thời điểm lịch sử ngày nay, sự điều chỉnh mạnh mẽ của các nhà nước tư bản nhằm hướng tới sự đồng thuận xã hội (cân bằng, điều hòa lợi ích giữa các tầng lớp, quan tâm đến an sinh xã hội...), sự thúc đẩy mạnh mẽ của tiến trình dân chủ, quyền con người ngày càng được bảo đảm tốt hơn trên thực tế, sự đề cao quá tính giai cấp có lẽ

là lựa chọn không thích hợp.

Xã hội luôn thay đổi, tình hình tội phạm luôn phải chịu sự tác động của các quá trình xã hội, hiện tượng xã hội khác. Trong những thời điểm hoàn cảnh cụ thể khác nhau thì tình hình tội phạm luôn khác nhau. Điều này được minh chứng rõ ràng với sự khác nhau của các nội dung cấu thành nên tình hình tội phạm. Mức độ, động thái, cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm có sự thay đổi rõ ràng. Đây là đặc điểm cần phải nhận thức một cách biện chứng để khi nghiên cứu, giải quyết vấn đề đặt ra trong phòng ngừa tội phạm phải chỉ ra được đâu là nguyên nhân tạo ra sự thay đổi đó từ trong chính các quá trình xã hội, hiện tượng xã hội xảy ra trong môi trường của chính xã hội cụ thể tạo ra tình hình tội phạm mà chúng ta đang khảo sát.

Tình hình tội phạm là tổng thể thống nhất của các tội phạm đã xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định và trong không gian nhất định. Trong một tổng thể thống nhất đó được biểu hiện bằng các nội dung, bộ phận cấu thành nên tổng thể đó và mối quan hệ qua lại biện chứng của các yếu tố cấu thành đó. Khi ta chia nội dung của tình hình tội phạm thành các thành tố như mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất đó là cách để nhận thức có hệ thống. Khi nói “tình hình tội phạm là trạng thái, xu thế vận động” [17, tr. 174] vô hình chung chúng ta không đề cập đến mối quan hệ của các yếu tố tạo nên “bức tranh” tổng thể đó.

Từ những phân tích trên ta có thể khái niệm: *Tình hình tội phạm là hiện tượng xã hội tiêu cực (tội phạm) mang tính pháp lý- hình sự, tính lịch sử, tính giai cấp bao gồm hệ thống tổng thể thống nhất các tội phạm đã xảy ra trong phạm vi không gian nhất định và trong khoảng thời gian nhất định.*

Tình hình tội phạm là hiện tượng xã hội, khi nghiên cứu, giải quyết về tình hình tội phạm của địa bàn nào đó phải đặt nó trong mối quan hệ biện chứng với các hiện tượng, quá trình xã hội diễn ra trên địa bàn đó, phải chỉ ra được nguyên nhân tình hình tội phạm trong mối quan hệ qua lại với các quá trình kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục vv..., những đặc điểm riêng có của địa phương đó tác động đến tình hình tội phạm. Và ngược lại khi tổ chức các biện pháp phòng ngừa phải thấy được tác dụng phòng ngừa tội phạm trong chính các giải pháp về kinh tế, xã hội, văn hóa,

giáo dục để triển khai nó cùng với các biện pháp chuyên biệt trong một tổng thể mang lại hiệu quả lâu dài, bền vững.

Tình hình tội phạm là một tổng thể thống nhất, việc phân chi thành các nội dung đó là phương pháp để nhận thức, phải đặt các nội dung đó trong mối quan hệ biện chứng với nhau để từ đó nhận thức được một cách đầy đủ, tổng thể về một tình hình tội phạm.

Tình hình tội phạm là đối tượng nghiên cứu cơ bản, đầu tiên, mọi nghiên cứu để giải quyết về một tình hình tội phạm cụ thể phải được xuất phát từ chính tình hình tội phạm đó, các vấn đề nghiên cứu khác như nguyên nhân, nhân thân người phạm tội, nạn nhân đều phải xuất phát từ thực tiễn của tình hình tội phạm. Có như thế đảm bảo được tính thực tiễn, công trình có giá trị áp dụng.

Tình hình tội phạm là hệ thống tổng thể các tội phạm đã xảy ra. Phần lớn trong đó đã được phát hiện, xử lý và đưa vào thống kê tội phạm gọi là phần tội phạm rõ, phần còn lại của tội phạm đã xảy ra nhưng vì lý do nào đó chưa bị phát hiện, xử lý và chưa được đưa vào thống kê tội phạm thì gọi là phần tội phạm ẩn.

1.1.2 .Phân loại tình hình tội phạm

1.1.2.1 .Tình hình tội phạm rõ

Tình hình tội phạm rõ là hệ thống tổng thể các tội phạm đã xảy ra đã được phát hiện, xử lý và đã được đưa vào thống kê tội phạm, được khảo sát trên các nội dung: Thực trạng (mức độ), diễn biến (động thái), cơ cấu, tính chất.

**** Thực trạng của tình hình tội phạm rõ***

Thực trạng của tình hình tội phạm là số lượng các tội phạm đã được thực hiện và những người thực hiện các tội phạm đó ở một địa bàn nhất định và trong khoảng thời gian nhất định.

Thực trạng của tình hình tội phạm được xác định trên cơ sở số liệu thống kê hình sự là tổng số vụ án hình sự và bị cáo (bị can) được xử lý trong một khoảng thời gian nhất định. Tại Việt Nam hiện nay, các công trình nghiên cứu thường dùng số liệu thống kê của tòa án. Việc dùng các số liệu của tòa án là có độ chính xác cao, ổn định, sai số ít. Tuy nhiên thời điểm đưa vụ án ra xét xử là thời điểm cuối trong quá

trình tố tụng, do đó một lượng các vụ án đã xảy ra trên thực tế vì những lý do khác nhau đã không được đưa ra xét xử (phần này sẽ được trình bày chi tiết trong phần Tội phạm ẩn) nên không có trong thống kê của tòa án. Do vậy, những số liệu đó chưa phản ánh được đầy đủ nhất thực trạng của tình hình tội phạm. Nhưng thông qua các số liệu này cho phép ta đánh giá được cơ bản thực trạng của tình hình tội phạm đang diễn ra trên thực tế, đồng thời phản ánh hiệu quả các biện pháp phòng ngừa cũng như hiệu quả của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với việc xử lý tội phạm.

Thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm thường được khảo sát trên các phương diện như mức độ tổng quan, mức độ nhóm, mức độ tái phạm, mức độ hành vi.

Mức độ tổng quan được xác định bằng tổng các vụ án và tổng các bị can đã được đưa ra xét xử trong một địa bàn (đơn vị hành chính lãnh thổ) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định (thông thường người ta hay tính một năm)

Mức độ tổng quan được thể hiện qua chỉ số tội phạm và cơ cấu hành vi phạm tội.

Chỉ số tội phạm được tính bằng tổng số vụ phạm tội trên 10.000 dân trong một năm. Như vậy chỉ số tội phạm của đơn vị lãnh thổ là:

$$\frac{\text{Số vụ phạm tội} \times 10.000}{\text{Số dân}}$$

Số dân

Cơ cấu hành vi phạm tội được tính bằng số hành vi phạm tội (số bị cáo) trên 10.000 dân trong một năm. Như vậy cơ cấu hành vi phạm tội của đơn vị lãnh thổ là:

$$\frac{\text{Số vụ bị cáo} \times 10.000}{\text{Số dân}}$$

Số dân

Căn cứ vào các chỉ số, bằng thực tiễn nghiên cứu người ta phân chia thành các mức độ nào là bình thường, mức độ nào là nguy hiểm, đáng báo động. Bằng cách đối chiếu với chỉ số của tình hình tội phạm mà ta nghiên cứu với các mức độ đó để ta đánh giá tính chất của tình hình tội phạm tại một đơn vị lãnh thổ, so sánh

với chỉ số này của các đơn vị lãnh thổ có điều kiện xã hội tương đương để đánh giá tình hình tội phạm tại đâu nghiêm trọng hơn.

Mức độ nhóm là tổng số vụ phạm tội của một nhóm tội phạm nào đó trong tổng số vụ án đã xảy ra, được tính bằng :

$$\frac{\text{số vụ của nhóm tội phạm} \times 100}{\text{Tổng số vụ phạm tội}}$$

Mức độ tội phạm cụ thể là tổng số vụ phạm tội của một tội phạm cụ thể nào đó trong tổng số vụ án đã xảy ra, được tính bằng :

$$\frac{\text{Số vụ của tội phạm cụ thể} \times 100}{\text{Tổng số vụ phạm tội}}$$

**. Diễn biến (động thái) của tình hình tội phạm*

Diễn biến của tình hình tội phạm là sự phản ánh xu hướng tăng, giảm, ổn định tương đối của tình hình tội phạm nói chung (hoặc một nhóm tội phạm hoặc một tội phạm) xảy ra trong khoảng thời gian nhất định và trên một địa bàn nhất định.

Để khảo sát được diễn biến của tình hình tội phạm trong một chu kỳ nhất định (giả sử 05 năm), người ta chọn năm thứ nhất của chu kỳ là năm gốc, số liệu về tổng số vụ phạm tội và người phạm tội trong năm đó được tính là 100%. Sau đó ta lấy số liệu về tổng số vụ phạm tội và người phạm tội của các năm tiếp theo đối chiếu với số liệu của năm gốc để tìm ra xu thế tăng hay giảm của các năm tiếp theo (tính bằng tỷ lệ %).

Nghiên cứu về diễn biến của tình hình tội phạm ta thấy được xu hướng tăng hay giảm hay ổn định tương đối của một chu kỳ mà còn giúp cho việc dự đoán có cơ sở về xu hướng vận động của tình hình tội phạm trong những năm tiếp theo giúp cho việc thiết kế, sử dụng các biện pháp phòng ngừa sát với thực tế.

Không những nghiên cứu về diễn biến của tình hình tội phạm nói chung mà còn phải nghiên cứu về diễn biến của từng nhóm tội, tội phạm cụ thể để thấy được xu hướng của các nhóm tội nhất là những địa phương với điều kiện kinh tế, xã hội đặc thù làm phát sinh tội phạm ở những nhóm tội, tội phạm cụ thể chiếm số lượng

lớn trong cơ cấu của tình hình tội phạm, cần phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa để làm giảm tội phạm ở nhóm tội, tội phạm cụ thể đó.

Diễn biến của tình hình tội phạm bị tác động, làm thay đổi bởi hai loại yếu tố:

- Các yếu tố xã hội (thuộc về nguyên nhân, điều kiện): sự tăng trưởng hay suy thoái của nền kinh tế, vấn đề nhập cư ồ ạt, gia tăng dân số nhanh chóng, tỷ lệ thất nghiệp, gia tăng khoảng cách giàu nghèo, mất đất sản xuất nông nghiệp, suy thoái của đạo đức, mất ổn định xã hội vv. Đây còn là điều để minh chứng lại một lần nữa: tình hình tội phạm chịu sự tác động sâu sắc của các quá trình xã hội, hiện tượng xã hội khác. Sự thay đổi của các yếu tố xã hội cụ thể sẽ tác động lên diễn biến của nhóm tội, tội phạm cụ thể. Điều này rất có ý nghĩa khi tìm nguyên nhân, điều kiện của nhóm tội, tội phạm cụ thể ở một địa phương nào đó tăng lên một cách đột ngột. Phải xác định được đâu là nguyên nhân cơ bản, chủ yếu nhất để hướng biện pháp phòng ngừa vào đó.

- Các yếu tố về mặt pháp lý: sự thay đổi về mặt pháp lý, đặc biệt là sự thay đổi về pháp luật hình sự, đó là việc tội phạm hóa, phi tội phạm hóa, hình sự hóa, phi hình sự hóa sẽ ảnh hưởng đáng kể đến “đồ thị” diễn biến của tình hình tội phạm.

Việc phân biệt sự tác động hai yếu tố này là rất có ý nghĩa, khi động thái có sự thay đổi tăng lên hoặc giảm đi ta phải phân tích cho được đó là do sự thay đổi của chính sách hình sự hay các yếu tố xã hội khác. Một mặt đánh giá được hiệu quả của sự thay đổi chính sách hình sự, mặt khác làm rõ được nguyên nhân, điều kiện của sự tác động đến sự thay đổi của diễn biến tình hình tội phạm.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm*

Cơ cấu của tình hình tội phạm là tỷ trọng, mối tương quan giữa nhân tố bộ phận và tổng thể của tình hình tội phạm theo tiêu chí nhất định trong khoảng thời gian và trên địa bàn nhất định. [17, tr. 189]

Tùy vào mục đích nghiên cứu mà ta phân chia thành các cơ cấu khác nhau, thông thường người ta xét trên những cơ cấu sau:

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo chương của các tội phạm cụ thể của bộ luật hình sự*

Cơ cấu này được tính theo tỷ trọng giữa các tội của từng chương (bộ phận) đã xảy ra với tổng số các tội phạm (tổng thể) đã xảy ra. Nghĩa là nếu coi tổng số các tội phạm đã xảy ra trong một thời gian nhất định trên địa bàn nhất định là 100% thì ta phải xác định các tội phạm của mỗi chương đã xảy ra chiếm bao nhiêu % trong tổng số đó.

Cơ cấu này thường được xét đến khi nghiên cứu về tình hình tội phạm nói chung, cho ta cái nhìn tổng quan về tình hình tội phạm trên địa bàn nào đó, xác định đâu là nhóm tội có tần suất xảy ra nhiều nhất để tập trung hướng phòng ngừa vào đó.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo tội danh cụ thể được quy định trong bộ luật hình sự*

Loại cơ cấu này thường được áp dụng khi nghiên cứu về một nhóm tội nào đó, được tính bằng tỷ trọng giữa tội danh cụ thể (bộ phận) đã xảy ra với tổng số tội phạm (tổng thể) đã xảy ra của một nhóm tội nào đó. Qua việc xác định theo cơ cấu từng tội danh cụ thể để biết được tỷ trọng từng tội trong nhóm tội và làm rõ tội nào là nổi cộm nhất để tập trung tìm ra nguyên nhân, điều kiện định hướng phòng ngừa.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo loại tội phạm*

Tội phạm được phân loại theo tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Việc xác định cơ cấu này là tìm xem tỷ trọng giữa từng loại tội phạm đó (bộ phận) đã xảy ra với toàn bộ các tội phạm (tổng thể) đã xảy ra. Bên cạnh đó cũng cần tìm hiểu số người phạm từng loại tội. Cơ cấu này thường được áp dụng khi nghiên cứu tình hình tội phạm nói chung và cũng có thể áp dụng khi nghiên cứu một tội danh cụ thể nào đó.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo hình thức phạm tội*

Tội phạm có thể được thực hiện dưới hình thức đơn lẻ, đồng phạm, phạm tội có tổ chức. Loại cơ cấu này nhằm xác định tỷ lệ phần trăm của từng hình thức phạm tội đó chiếm bao nhiêu trong tổng số tội phạm đã xảy ra. Đây là một loại cơ cấu rất

có ý nghĩa trong việc xác định tính chất của tình hình tội phạm hiện nay, đặc biệt với chỉ số phần trăm của tội phạm có tổ chức. Cơ cấu này có thể áp dụng cho việc nghiên cứu tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội phạm một nhóm tội, tình hình tội phạm của một tội danh cụ thể.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo địa bàn phạm tội*

Loại cơ cấu này áp dụng rất phổ biến trong nghiên cứu tình hình tội phạm. Nó có thể được áp dụng để nghiên cứu tình hình tội phạm nói chung trong cả nước để xác định tỷ lệ tội phạm của từng tỉnh, thành phố là bao nhiêu; địa bàn nông thôn là bao nhiêu, địa bàn đô thị là bao nhiêu. Cũng có thể áp dụng cho việc nghiên cứu tình hình tội phạm trên địa bàn nhỏ hơn như tỉnh thành phố), quận, huyện. Không những áp dụng cho việc nghiên cứu tình hình tội phạm nói chung mà còn áp dụng cho việc nghiên cứu tình hình tội phạm của nhóm tội, tội danh cụ thể.

Loại cơ cấu này có nhiều ý nghĩa trong việc khu biệt để xác định nguyên nhân, điều kiện gắn với địa bàn cụ thể, sắp xếp bố trí nhân lực cho các cơ quan tiến hành tố tụng ở từng địa bàn, bố trí đội ngũ làm công tác phòng ngừa cũng như tập trung biện pháp phòng ngừa theo từng địa bàn trên cơ sở tổng số tội phạm đã xảy ra hoặc từng nhóm tội, tội danh cụ thể đã xảy ra.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo loại hình phạt áp dụng đối với người phạm tội*

Hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Hình phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

Hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

Loại cơ cấu này xác định tỷ lệ áp dụng của từng loại hình phạt trong tổng số tội phạm đã xảy ra. Thông thường người ta chỉ đề cập đến cơ cấu hình phạt chính, tùy mục đích nghiên cứu có thể xác định cơ cấu của hình phạt bổ sung.

Loại cơ cấu này đang rất cần được nghiên cứu khi mà thực tiễn xét xử hiện nay đang áp dụng hình phạt tù rất phổ biến dẫn đến quá tải nhà tù, hiệu quả giáo dục cải tạo thấp, tạo thêm áp lực cho chi ngân sách cũng như ảnh hưởng lớn đến đời sống gia đình người bị áp dụng hình phạt tù. Ở chiều hướng ngược lại nhất là đối với những tội phạm liên quan đến chức vụ thì lại tuyên hình phạt quá nhẹ, cho hưởng án treo nhiều, một mặt ảnh hưởng đến công cuộc phòng, chống tham nhũng, mặt khác tạo ra dư luận không đồng tình của người dân.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo hình thức lỗi*

Cơ cấu này nhằm xác định trong tổng số tội phạm xảy ra số vụ phạm tội do cố ý, số vụ phạm tội do vô ý từng loại chiếm tỷ lệ bao nhiêu cũng như xác định có bao nhiêu người phạm tội do cố ý, bao nhiêu người phạm tội do vô ý trong tổng số người phạm tội. Cơ cấu này áp dụng khi nghiên cứu tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm của nhóm tội nào đó.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo đặc điểm về nhân thân của người phạm tội*

Đây là một tập hợp của nhiều cơ cấu, tùy theo mục đích nghiên cứu người ta phân chia nhân thân của người phạm tội theo các đặc điểm có ý nghĩa đối với nghiên cứu tội phạm học. Mỗi đặc điểm được đặc trưng bởi một cơ cấu. Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân có ý nghĩa to lớn đối với tội phạm học hiện đại, là cơ sở để áp dụng các biện pháp phòng ngừa xã hội, kiểm soát xã hội có hiệu quả trong phòng ngừa tội phạm.

Thông thường người ta sử dụng những đặc điểm nhân thân sau để xác định cơ cấu: tuổi, giới tính, dân tộc, có nghề nghiệp hay thất nghiệp, tái phạm hay tái phạm nguy hiểm, trình độ văn hóa... những cơ cấu này có thể được áp dụng khi nghiên cứu tình hình tội phạm nói chung, nhóm tội hoặc một tội danh cụ thể.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo động cơ phạm tội*

Khi nghiên cứu tội phạm học, người ta chia những người phạm tội do cố ý theo tiêu chí động cơ (cái thôi thúc, cái động lực thúc đẩy người nào đó phạm tội)

phạm tội như vì vụ lợi, tình ái, thể hiện bản thân... để xem xét trong đó mỗi loại động cơ đó chiếm tỷ lệ bao nhiêu.

Theo quan điểm cá nhân, với hướng tiếp cận của tội phạm học thì cũng cần được xem xét tới động cơ những người do vô ý phạm tội. Động cơ ở đây là cái thôi thúc người ta thực hiện hành vi (ví dụ hành vi không chấp hành đèn tín hiệu giao thông) và hành vi đó đã gây thiệt hại cho người khác mặc dù họ không muốn gây thiệt hại. Để từ đó có biện pháp tác động khả thi trong phòng ngừa.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo đặc điểm công cụ, phương tiện phạm tội, thời gian phạm tội*

Đây là những cơ cấu thường được áp dụng khi nghiên cứu tình hình tội phạm của một tội danh cụ thể từ đó tìm ra quy luật của loại tội nào đó phục vụ phòng ngừa, ngăn chặn.

** Cơ cấu của tình hình tội phạm theo đặc điểm mối quan hệ của nạn nhân với người phạm tội*

Cơ cấu này thường được áp dụng khi nghiên cứu tình hình tội phạm của một tội danh cụ thể, với cụ thể từng loại tội mối quan hệ nào là điều kiện thúc đẩy tội phạm đó xảy ra.

Trên đây là những cơ cấu thường được khảo sát khi nghiên cứu tình hình tội phạm và ngoài ra tùy vào phạm vi nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, người nghiên cứu có thể tiến hành khảo sát thêm những cơ cấu phù hợp với đề tài nghiên cứu của mình.

Cơ cấu là cấu trúc bên trong của “hệ thống” tình hình tội phạm, chúng ta không chỉ nghiên cứu về mức độ của các cơ cấu đó mà còn phải xem xét đến diễn biến của các cơ cấu đó để tìm ra chiều hướng vận động của nó để nhận thức đầy đủ, đánh giá đúng tính chất của tình hình tội phạm.

Khi khảo sát đến cơ cấu là chúng ta khảo sát đến từng “khu vực” trong tổng thể tình hình tội phạm để tìm ra đặc điểm đáng quan tâm trong phạm vi đó, đồng thời cũng khu biệt được nguyên nhân, điều kiện tạo nên đặc điểm đó, khu biệt được “vị trí” tương đối cụ thể của nơi chứa đựng nguyên nhân điều kiện đó để áp dụng

đúng biện pháp phòng ngừa, đúng nơi, đúng đối tượng cần áp dụng. Ví dụ: khi ta khảo sát độ tuổi của những người phạm tội thấy tội phạm do người chưa thành niên thực hiện tăng cao. Đó là đặc điểm có ý nghĩa đáng quan tâm. Ta lại khảo sát tiếp về trình độ học vấn của những người vị thành niên đó thấy hầu hết chưa tốt nghiệp phổ thông trung học. Ta lại tiếp tục khảo sát về nơi cư trú và thấy những em đó thấy phần lớn cư trú ở địa bàn giáp ranh giữa nông thôn và đô thị. Đến đây ta có thể kết luận được nguyên nhân điều kiện làm phát sinh tội phạm của người chưa thành niên là các quá trình xã hội, hiện tượng xã hội trên địa bàn giáp ranh đó, tất nhiên chỉ là tương đối. Vậy ta đã khu biệt được nguyên nhân điều kiện, nơi tồn tại nguyên nhân điều kiện từ đó thiết kế biện pháp phòng ngừa phù hợp với đối tượng trên địa bàn cụ thể đó.

** Tính chất của tình hình tội phạm*

Tính chất của tình hình tội phạm thể hiện ở số lượng của các tội phạm nguy hiểm nhất cho xã hội trong cơ cấu của tình hình tội phạm cũng như các đặc điểm nhân thân của những người thực hiện tội phạm. Tính chất của tình hình tội phạm được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó. [46, tr. 66]

Tính chất của tình hình tội phạm là đặc điểm về chất thể hiện ở tính nguy hiểm cho xã hội và xu thế tăng lên của nó

Tổng số tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cao so với mức có thể chấp nhận, và chiều hướng tăng lên của nó

Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng chiếm tỷ lệ cao trong tổng số tội phạm và ngày càng tăng lên của tỷ lệ đó

Hậu quả về tài sản, thể chất, tinh thần, sự rối loạn xã hội lớn và xu thế tăng

Số lượng tăng lên của những người có đặc điểm nhân thân nhất định là người phạm tội như: người chưa thành niên, người có chức vụ, người có trình độ cao.

Tính chất nguy hiểm của cách thức phạm tội, công cụ phạm tội

Muốn đánh giá đặc điểm về chất (tính chất) phải thông qua đặc điểm về lượng (số lượng) và qua thao tác phân tích số lượng đó. Tóm lại muốn đánh giá

được tính chất của tình hình tội phạm phải qua số liệu và qua phân tích thực trạng, diễn biến, cơ cấu.

Theo quan điểm cá nhân tội phạm ẩn cũng là tiêu chí để đánh giá tính chất của tình hình tội phạm. Tình hình tội phạm là tổng thể các tội phạm đã xảy ra, nếu xét về số học thì chính là tổng của tội phạm rõ và tội phạm ẩn, vì vậy nếu tội phạm ẩn nhiều thì tội phạm rõ ít đi (phát hiện, xử lý ít đi) và rồi công lý không đạt được, người phạm tội có thể tiếp tục phạm tội. Ẩn nhiều là do người dân chấp nhận hoặc vì lý do nào đó miễn cưỡng chấp nhận việc phát sinh gây hại của tội phạm (đặc điểm nguy hại nhất). Ẩn nhiều là do thiếu hiệu quả của cơ quan chuyên trách. Và ẩn nhiều dẫn đến số liệu phản ánh không sát chính sách phòng ngừa sai không hiệu quả.

1.1.2.2. Tình hình tội phạm ẩn

Tình hình tội phạm là hệ thống tổng thể các tội phạm đã xảy ra trên thực tế. Trong tổng thể đó các tội phạm đã bị phát hiện, xử lý, đưa vào thống kê tội phạm gọi là phần tội phạm rõ hay phần hiện tình hình tội phạm. Phần còn lại vì lý do nào đó chưa được phát hiện, xử lý và đưa vào thống kê tội phạm gọi là phần tội phạm ẩn hay phần ẩn tình hình tội phạm.

Tội phạm ẩn hay tình hình tội phạm ẩn là tất yếu, khách quan. Đây là luận điểm mang tính biện chứng, bởi vì con người chúng ta nhận thức sự vật hiện tượng không bao giờ là nhận thức được tất cả, tuyệt đối về sự vật hiện tượng mà chỉ tiệm tiến đến sự tuyệt đối đó, luôn luôn có phần chưa nhận thức được. Nhận thức về tình hình tội phạm cũng vậy.

Có nhiều quan điểm về tội phạm ẩn:

Là một phần của tình hình tội phạm, tội phạm ẩn (hay phần ẩn của tình hình tội phạm) được tạo nên bởi tổng thể các hành vi phạm tội đã xảy ra trong thực tế, song không được phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê tội phạm [9, tr. 163].

Tội phạm ẩn là số lượng tội phạm và người phạm tội đã thực hiện trên thực tế nhưng không được tường thuật với cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa bị phát hiện

(một cách chính thức) và do vậy chưa bị xử lý về hình sự, chưa có trong thống kê hình sự chính thức. [17, tr. 181]

Số liệu thống kê về tội phạm là cơ sở thực tế, chất liệu để nghiên cứu về tội phạm học, trên cơ sở thực tế của số liệu thống kê để phân tích về tình hình tội phạm, tìm ra nguyên nhân điều kiện và thiết kế áp dụng biện pháp phòng ngừa. Số liệu thống kê càng sát với thực tế bao nhiêu thì việc nghiên cứu giải quyết tình hình tội phạm càng chính xác, mang lại hiệu quả bấy nhiêu. Một hệ thống số liệu thống kê khoa học, kịp thời, sát thực tế là điều kiện tiên quyết cho việc nghiên cứu và giải quyết tình hình tội phạm.

Với quan điểm đó, tình hình tội phạm ẩn là tổng thể các tội phạm đã xảy ra trên thực tế nhưng chưa được phát hiện, xử lý và chưa được đưa vào thống kê tội phạm.

Tội phạm ẩn là tất yếu, khách quan nhưng phải ở mức độ cho phép nếu không dẫn đến nhận thức về tình hình tội phạm sẽ bị sai lệch. Chúng ta chỉ nhận thức một cách có khoa học về tình hình tội phạm thông qua tình hình tội phạm rõ bởi các số liệu thống kê khoa học, chính xác, sát thực tế của nó. Nếu tỷ lệ tội phạm ẩn chiếm mức độ lớn trong số tội phạm đã xảy ra, “bức tranh” về tình hình tội phạm được phản ánh qua tội phạm rõ là hoàn toàn không trung thực, sai lệch về bản chất.

Tội phạm ẩn nghĩa là đã xảy ra nhưng không được phát hiện xử lý người phạm tội là công lý không đạt được, người đã phạm tội có điều kiện, khả năng để tiếp tục phạm tội gây hại cho xã hội, làm rối loạn xã hội, mất lòng tin của người dân.

Đấu tranh phòng, chống tội phạm là đấu tranh chống lại tiêu cực, xóa bỏ lực cản đó để phát triển xã hội, là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của mọi cá nhân trong xã hội. Mức độ tội phạm ẩn lớn đồng nghĩa với sự tham gia của người dân, đoàn thể, cơ quan, vào quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm không hiệu quả, thờ ơ, lãnh đạm với cái xấu. Đó là điều nguy hiểm nhất cho mọi xã hội.

Tội phạm ẩn lớn còn là sự phản ánh sự thiếu hiệu quả của các cơ quan chuyên trách trong việc xử lý vấn đề tội phạm.

- *Các loại tình hình tội phạm ẩn*

Tội phạm ẩn là một phần của tình hình tội phạm, không giống như tình hình tội phạm rõ, nơi được phản ánh bằng những thông số thống kê cụ thể, trực diện. Tình hình tội phạm ẩn phản ánh ra bên không giống cách thức phản ánh của tội phạm rõ, do vậy sự nhận thức phải tiến hành phù hợp với cách thức đó. Tội phạm học chia tình hình tội phạm ẩn thành các loại tội phạm ẩn khác nhau.

* *Tội phạm ẩn khách quan*

Tại mỗi quốc gia, việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm được giao cho một hệ thống cơ quan. Đó là hệ thống cơ quan chuyên trách để xử lý tội phạm. Tại Việt Nam hệ thống cơ quan đó bao gồm: Cơ quan tiến hành một số hoạt động điều tra, cơ quan điều tra, viện kiểm sát các cấp, tòa án các cấp (gọi là cơ quan chuyên trách). Tội phạm không được phát hiện, xử lý là khách quan, ngoài chủ quan của hệ thống cơ quan này người ta gọi là tội phạm ẩn khách quan. Hay nói cách khác là các cơ quan chuyên trách không có thông tin về chúng. Nguyên nhân (lý do) dẫn đến cơ quan chuyên trách không có thông tin về tội phạm gồm nhiều yếu tố. Nhưng tựu trung lại ở các phương diện sau: Từ chính sự kiện phạm tội, từ chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, từ người bị hành vi tội phạm xâm hại, từ người biết về sự việc phạm tội.

* *Tội phạm ẩn chủ quan*

Tội phạm ẩn chủ quan là vì những lý do chủ quan của hệ thống cơ quan được giao nhiệm vụ đấu tranh phòng , chống tội phạm mà tội phạm đã xảy ra trên thực tế không được phát hiện, xử lý. Hệ thống cơ quan đó bao gồm tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

* *Tội phạm ẩn thống kê*

Tội phạm ẩn thống kê là khái niệm dùng để chỉ tội phạm đã xảy ra trên thực tế, đã được phát hiện, xử lý nhưng vì lý do nào đó (không phải do sai số thống kê) mà việc thống kê không đếm hết được số người phạm tội hay số vụ phạm tội dẫn đến số liệu thống kê không chính xác tình hình tội phạm. Từ đó các cơ quan khi dựa

vào số liệu thống kê để nghiên cứu, thiết kế các biện pháp phòng ngừa không đảm bảo độ tin cậy cao.

Tội phạm ẩn thống kê hiện nay tại Việt Nam là khái niệm (loại tội phạm ẩn) còn có nhiều ý kiến trái chiều. Có người thừa nhận tội phạm ẩn thống kê là một loại tội phạm ẩn. Cũng có người không thừa nhận tội phạm ẩn thống kê là một loại tội phạm ẩn. Theo ý kiến cá nhân, việc nghiên cứu tình hình tội phạm của một địa bàn cụ thể trong những khoảng thời gian nhất định để thiết kế các biện pháp phòng ngừa phải dựa trên hệ thống số liệu thống kê đầy đủ, chính xác. Sự không ghi nhận đầy đủ về số người phạm tội, số vụ phạm tội nghĩa là số liệu được tạo ra chưa hoàn toàn chính xác đầy đủ. Vậy phải coi tội phạm không được ghi nhận đó là tội phạm ẩn.

Nguyên nhân của tình hình tội phạm ẩn

* *Nguyên nhân của tình hình tội phạm ẩn khách quan*

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ người thực hiện hành vi phạm tội*

Người thực hiện hành vi phạm tội nếu bị phát hiện xử lý sẽ phải gánh chịu hậu quả bất lợi (chế tài). Hầu hết mọi chủ thể của hành vi phạm tội đều không mong muốn bị phát hiện dẫn đến bị xử lý. Để thực hiện được mong muốn đó họ tiến hành thực hiện hành vi phạm tội bằng các phương thức, cách thức tinh vi, người khác nhìn vào khó phát hiện đó là tội phạm, không để lại dấu vết. Họ che dấu tội phạm một cách kín đáo, khi bị phát hiện thì tìm mọi cách, mọi lợi thế sẵn có để cản trở...

- *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ phía nạn nhân của tội phạm*

Hầu hết mọi tội phạm xảy ra đều có nạn nhân. Đó là cá nhân hoặc tổ chức bị thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần do hành vi tội phạm xâm hại tới. Vì trực tiếp bị tội phạm xâm hại tới nên họ có nhiều thông tin, dấu vết về tội phạm. Theo lẽ thông thường họ phải thông báo cho cơ quan chức năng để xử lý tội phạm, bồi thường thiệt hại cho mình. Tuy nhiên trên thực tế có nhiều lý do mà nạn nhân của tội phạm không hành động theo lẽ thông thường đó. Họ không thông báo thông tin về tội phạm cho cơ quan chức năng hoặc cá biệt có trường hợp còn che dấu, cản trở sự phát hiện tội phạm. Nạn nhân của tội phạm có thể là cá nhân hoặc tổ chức.

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ nạn nhân là cá nhân.*

Nạn nhân của tội phạm là cá nhân hoặc tổ chức bị thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần do chính hành vi phạm tội gây ra. Về cá nhân, đó là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tinh thần. Vậy vì lý do gì họ không cung cấp thông tin về tội phạm cho cơ quan chức năng.

• *Không dám tố giác*

Tội phạm đã xảy ra, hành vi phạm tội đã trực tiếp gây thiệt hại đến chính bản thân mình. Nhưng cá nhân bị gây thiệt hại đó, có khi là thiệt hại không nhỏ hoặc có nguy cơ còn tiếp tục bị gây thiệt hại, lại không dám tố giác, mặc dù mong muốn người phạm tội phải bị xử lý bởi công cụ pháp luật. Đây là những nạn nhân có mối quan hệ nhất định với người phạm tội đã gây thiệt hại cho mình. Họ có thể bị đe dọa hoặc chưa bị đe dọa nhưng nhận thức được rằng nếu tố giác thì chính những người phạm tội đó sẽ gây bất lợi, thiệt hại cho mình. Những trường hợp này nạn nhân có thể bị phụ thuộc vào các mối quan hệ như quan hệ nuôi dưỡng, quan hệ phụ thuộc về kinh tế, quan hệ giữa nhân viên và thủ trưởng.

Kinh tế thị trường phát triển, trong lòng nền kinh tế đó có những cá nhân, tổ chức kiếm sống bằng việc thực hiện tội phạm, thu lợi từ thực hiện tội phạm. Những người, tổ chức đó sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn để đảm bảo cho những tội phạm của họ không bị phát hiện. Trong đó việc đe dọa người bị hại là thủ đoạn chúng hay sử dụng. Vụ Phúc Bò, Khánh Trắng, Năm Cam, Minh Sâm và nhiều vụ án khác chứng minh cho việc người bị hại khiếp sợ đến mức không dám tố giác. Tình trạng này diễn ra bởi một phần là sự đe dọa, sự hung hăng, tàn bạo của tội phạm. Mặt khác thể hiện sự quan liêu của các cơ quan chức năng, sự thiếu biện pháp bảo vệ cho những nạn nhân này trong thực tế cũng như trong luật định.

• *Không tin tưởng vào cơ quan chức năng.*

Cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án là cơ quan tiến hành tố tụng hình sự theo luật định, có nhiệm vụ bằng hoạt động của mình phát hiện xử lý mọi tội phạm xảy ra, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm. Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, tình hình tội phạm có xu hướng gia tăng trên phạm vi cả nước. Sự gia tăng đó kéo

theo nhiệm vụ của hệ thống cơ quan tổ tụng hình sự ngày càng nặng nề. Trong cơ cấu tổ chức lực lượng, trình độ nghiệp vụ của cán bộ, phương tiện kỹ thuật đảm bảo có nhiều nơi không theo kịp yêu cầu nhiệm vụ. Hệ quả đó tạo ra hiệu quả thấp trong điều tra, xử lý tội phạm. Chính điều đó cùng với những tiêu cực xảy ra trong các cơ quan tổ tụng đã tạo ra sự không tin tưởng ở người dân. Và rồi khi họ trở thành nạn nhân của tội phạm, họ đã không tố giác với cơ quan chức năng.

Sự không tin tưởng của nạn nhân còn là thái độ, cơ chế giải quyết tin báo tố giác tội phạm. Khi nạn nhân đến trình báo về tội phạm về nguyên tắc cán bộ giải quyết phải hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho họ. Nhưng trên thực tế không phải nơi nào cũng đảm bảo đúng nguyên tắc đó. Khi người dân đến tố giác về tội phạm họ không những không được hướng dẫn, giúp đỡ mà còn nhận được thái độ bàng quang, thiếu tin tưởng. Quá trình xác minh tin báo thì gây phiền hà, khó khăn thậm chí có cán bộ còn đòi hỏi chia chác tài sản thu hồi được.

- *Không tố giác vì mong muốn giữ kín sự kiện phạm tội.*

Có những tội phạm xảy ra như tội hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em, dâm ô với trẻ em nạn nhân nhận thức rằng nếu không giữ kín sự kiện phạm tội thì chính họ là người phải chịu thêm những thiệt hại khác. Đó là những thiệt hại bị gây ra tiếp theo bởi cách nhìn nhận, đánh giá của những người xung quanh. Quan niệm về tiết hạnh khắc nghiệt của tư tưởng phong kiến còn in đậm trong xã hội hiện nay nhất là tại các vùng nông thôn, miền núi. Nhiều người phụ nữ là nạn nhân của tội hiếp dâm đã phải chịu nhiều áp lực từ dư luận xã hội xuất phát từ quan niệm lạc hậu đó.

Mong muốn giữ kín sự kiện phạm tội còn là nhằm che đậy hành vi vi phạm pháp luật thậm chí là tội phạm khác của chính nạn nhân hoặc người thân thích của nạn nhân. Đó là sự che đậy về tài sản bị chiếm đoạt là tài sản được hình thành bằng con đường không hợp pháp, che đậy là vì trước đó nạn nhân hoặc chính người thân nạn nhân có những hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố tác động để hình thành nên sự kiện phạm tội đó. Thực tế là trong những năm gần đây, nhiều gia đình của những

vị quan chức bị trộm cắp tài sản nhưng đã không tố cáo mặc dù lượng tài sản rất lớn. Chỉ đến khi điều tra mở rộng từ vụ án khác mới phát hiện được.

• *Không che dấu tội phạm nhưng không muốn tố giác.*

Trong xã hội luôn tồn tại một trạng thái tâm lý là khi sự kiện phạm tội xảy ra, nạn nhân đã phải chịu thương tích, đã bị mất mát, hư hỏng tài sản (thường là thương tích nhẹ, tài sản không lớn) nhưng không muốn đến cơ quan chức năng để tố giác mặc dù không che dấu tội phạm. Họ tự thỏa thuận, giàn xếp với người phạm tội hoặc người nhà người phạm tội. Thực tế này diễn ra với số lượng không nhỏ, nhất là tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác, tội trộm cắp tài sản vv. Chính trạng thái tâm lý này lại được củng cố thêm bởi sự hoạt động không hiệu quả của hệ thống tố tụng hình sự; sự phiền hà, gây khó khăn của cán bộ tiếp nhận giải quyết. Khả năng buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm về vấn đề dân sự trong hình sự kém nên nạn nhân tự nguyện thỏa thuận với người phạm tội để đạt được sự bù đắp tổn thất của mình.

• *Không tố giác vì không nhận thức được hành vi phạm tội đối với mình*

Có những tội phạm đã xảy ra trên thực tế mà các cơ quan chuyên môn còn phải nghiên cứu xem xét một cách kỹ càng mới đưa vào xử lý nhằm đảm bảo đúng người, đúng tội thì lẽ dĩ nhiên người dân không có trình độ về pháp luật không nhận thức được có những tội phạm đã gây hại cho mình là một tất yếu. Đối với những người dân ở vùng sâu, vùng xa trình độ học vấn không có thậm chí là mù chữ thì hiện tượng này càng trở nên phổ biến. Có những tội phạm xảy ra trong gia đình như cha đánh con, chồng đánh vợ, bạo hành gia đình, làm nhục người khác, tổ chức tảo hôn... nhưng người ta quan niệm đó là quyền của người cha, việc riêng của mỗi gia đình. Chính người bị hại không nhận thức được tội phạm, xã hội và những người xung quanh cũng không nhận thức được tội phạm đã xảy ra thì tội phạm ần do nguyên nhân này là tất yếu.

+ *Tội phạm ần khách quan có lý do từ nạn nhân là cơ quan, tổ chức.*

Nạn nhân của tội phạm có thể là cá nhân hay tổ chức. Xét về nạn nhân là cơ quan, tổ chức là ta xét đến những cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về vật chất do hành vi

phạm tội xâm hại. Hay nói thực tế hơn là những cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm quản lý về tài sản bị tội phạm xâm hại tới.

Thực tế của tình hình tội phạm Việt Nam trong những năm gần đây cho thấy các cơ quan, tổ chức này thường là nạn nhân của các tội về tham nhũng mà tiêu biểu đó là tham ô tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với sự tiếp tay hoặc thiếu trách nhiệm của thành viên trong các cơ quan tổ chức đó. Các cơ quan tổ chức này bị xâm hại bởi chính hành vi phạm tội của các thành viên, thậm chí là thành viên chủ chốt, hoặc được tiếp tay bởi chính các thành viên trong cơ quan, tổ chức ấy.

Chúng ta nói các cơ quan tổ chức này là nạn nhân với danh nghĩa là nơi được giao quản lý tài sản. Tội phạm ẩn trong các cơ quan, tổ chức này là do chủ quan của bộ máy điều hành mà trách nhiệm đầu tiên thuộc về người đứng đầu. Như đã phân tích ở trên và thực tế đã chứng minh cơ quan, tổ chức này trở thành nạn nhân bởi chính thành viên của mình mà đặc biệt là thành viên chủ chốt. Và đúng theo danh nghĩa thì chính họ cũng là người đại diện cho nạn nhân, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân nghĩa là tố giác tội phạm. Nếu họ thực hiện theo đúng danh nghĩa đó, trách nhiệm đó tức là tố giác chính mình. Đó là sự phi thực tế và tất yếu tội phạm ẩn tồn tại.

Những thành viên được hưởng lợi khi cơ quan, tổ chức trở thành nạn nhân của tội không tố giác là đương nhiên. Những thành viên còn lại thì sao? Một “bộ phận không nhỏ” cán bộ, công chức hiện nay gần như mặc nhiên thừa nhận việc tham nhũng là tất yếu. Và rồi họ không phản kháng trước những hành vi đó bởi vì trong “văn hóa” của họ không cho là sai trái. Những người cần cù, trung thực còn lại muốn phản kháng thì họ nhận ra rằng phản kháng không những là vô ích mà còn hại đến bản thân, gia đình. Họ quá đơn độc và yếu thế trước sự “đoàn kết” và “sức mạnh” của nhóm tham nhũng. Hiện tượng “người ngay sợ kẻ gian” không chỉ xảy ra ngoài xã hội mà ngay cả chính trong môi trường này. Về phía nhà nước, những cơ quan được giao trách nhiệm giám sát việc quản lý tài sản tại các cơ quan tổ chức đó đã thực hiện trách nhiệm như thế nào mà mỗi vụ tham nhũng chấn động trước khi tự thân nó vỡ ra là hàng loạt cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán vào cuộc nhưng

không phát hiện gì. Họ không đủ năng lực, không làm hết trách nhiệm hay “nhóm lợi ích” chi phối hoạt động của họ.

Tỷ lệ tội phạm ẩn nhiều là việc phát sinh nhiều tội phạm nhưng không được phát hiện xử lý. Như đã phân tích, môi trường quản lý nhà nước hiện nay đang là nguyên nhân điều kiện thuận lợi cho việc phát sinh và làm ẩn tội phạm tại các cơ quan, tổ chức được giao quản lý tài sản thuộc sở hữu toàn dân. Phải đổi mới hoạt động để hạn chế dần nguyên nhân điều kiện đó. Tài sản nhà nước đang quản lý thuộc sở hữu toàn dân, không ai có thể quản lý tài sản tốt hơn người chủ thực sự của nó. Hãy tạo ra cơ chế để người dân chung tay vào quản lý tài sản của chính mình. Hãy tạo ra môi trường mà ở đó “nhóm tham nhũng” phải là nhóm yếu ớt trước sức mạnh khổng lồ là nhân dân.

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ nhân chứng*

Nhân chứng là những người biết được thông tin về sự kiện tội phạm. Những lý do tội phạm ẩn khách quan xuất phát từ người làm chứng là những lý do làm cho nhân chứng không tự nguyện cung cấp cho cơ quan chức năng khi biết được thông tin về tội phạm, không khai báo hoặc khai báo không đúng sự thật về tội phạm mà mình biết được. Từ đó cơ quan chức năng không có được thông tin về tội phạm (không phát hiện), không đủ chứng cứ để buộc người phạm tội chịu trách nhiệm hình sự (không xử lý được) và dẫn đến làm ẩn tội phạm.

Nhân chứng là người quan trọng trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm. Là người cung cấp thông tin ban đầu về tội phạm để cơ quan chức năng xác lập các thủ tục, biện pháp tố tụng, là người cung cấp chứng cứ khách quan cho việc xử lý tội phạm. Nhân chứng có mặt rộng khắp mọi nơi, mọi lĩnh vực, ai ai trong mỗi người dân đều có thể là một nhân chứng tiềm tàng. Vấn đề ở chỗ là làm thế nào để phát huy được sự hợp tác của họ vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Hành vi của con người bị chi phối bởi lợi ích. Nhân chứng chỉ hợp tác khi họ nhận thấy lợi ích, tùy theo nhận thức của từng người mà lợi ích của họ khác nhau. Lợi ích không đơn thuần là lợi ích vật chất. Vậy những yếu tố nào cản trở sự hợp tác?

Về nhận thức, ý thức pháp luật, trách nhiệm cộng đồng trong xã hội chưa làm cho họ hiểu rõ được rằng tổ giặc tội phạm là làm cho cái xấu bị trừng trị, là đảm bảo cho môi trường xã hội có một cuộc sống lành mạnh, an toàn, không bị tội phạm xâm hại, trong đó có cả chính bản thân mình. Mỗi người đều góp công vào để xây dựng thì xã hội sẽ trong sạch, lành mạnh. Có người nhận thức được thì ý thức pháp luật, ý thức cộng đồng chưa đủ lớn nên họ không đến cơ quan chức năng để cộng tác. Cũng có người nhận thức được, có trách nhiệm cộng đồng cao đã đến hợp tác thì không những không có lợi ích gì mà còn bị chính quá trình tố tụng (quy định của pháp luật, hoạt động của cán bộ) làm ảnh hưởng đến lợi ích của họ, bị chính người phạm tội hay “nhóm lợi ích” bao che cho tội phạm xâm hại, đe dọa xâm hại đến quyền lợi của họ.

Về nhận thức của chính đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng, của văn bản pháp luật đang khai thác dưới góc độ trách nhiệm của công dân, của người làm chứng chứ chưa chú trọng đến vấn đề lợi ích của nhân chứng.

** Nguyên nhân của tội phạm ẩn chủ quan*

Những nguyên nhân chủ quan của hệ thống cơ quan này làm cho tội phạm đã xảy ra không được phát hiện, xử lý là: do nhận hối lộ, bị mua chuộc, bị khống chế, thông đồng, cùng tham gia thực hiện tội phạm; do thiếu trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ; chưa phát huy được sự cộng tác của nhân dân mà cụ thể là nhân chứng, nạn nhân.

Đây là loại tội phạm ẩn có tính nguy hại cao nhất bởi không những làm ẩn những tội phạm xảy ra trên thực tế mà có thể đi cùng với tội phạm ẩn là một tội phạm mới phát sinh như tội “nhận hối lộ”, tội “đưa hối lộ”, tội “làm sai lệch hồ sơ vụ án”, tội “không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội”, tội “ lạm quyền trong khi thi hành công vụ” vv. Tội phạm ẩn loại này cũng thể hiện sự thiếu trách nhiệm trong đấu tranh phòng chống tội phạm, đạo đức nghề nghiệp, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách.

Tội phạm ẩn chủ quan là loại tội phạm ẩn có tính nguy hại lớn nhất. Nó không chỉ phản ánh lệch lạc “bức tranh” của tình hình tội phạm, làm phát sinh tội

phạm mới, phản ánh sự tiêu cực, thiếu hiệu quả của hệ thống cơ quan nòng cốt trong phòng, chống tội phạm. Sự nguy hại hơn cả là làm mất niềm tin của người dân, làm cho nhân dân thờ ơ, bàng quang, phó mặc. Và thực tế đã chứng minh không có sự ủng hộ, giúp đỡ, đồng thuận của người dân thì không có công cuộc nào thành công cả.

Tội phạm ẩn khách quan hay chủ quan đều là để chỉ hiện tượng tội phạm đã xảy ra trên thực tế nhưng không được phát hiện, xử lý. Việc phân chia là ra các loại là nhằm giúp cho việc nhận thức có hệ thống, đúng lý do (nguyên nhân) của chúng để tìm ra giải pháp phù hợp. Tuy nhiên cần phải nhận thức được rằng một loại tội phạm, lĩnh vực, khu vực mà ở đó tội phạm ẩn “lưu trú” thì có sự tác động của cả những lý do khách quan và lý do chủ quan. Cần phải nhận thấy mức độ tác động của từng loại yếu tố, những yếu tố nào thuộc về chủ quan tác động làm cho yếu tố khách quan thêm “hiệu lực” của nó làm phát sinh tội phạm ẩn để có giải pháp cụ thể khắc phục các yếu tố chủ quan đó.

1.2. Những yếu tố tác động đến tình hình tội phạm

**** Yếu tố thuộc về nguyên nhân, điều kiện***

Tình hình tội phạm là hiện tượng xã hội tiêu cực được biểu hiện ra bên ngoài bằng hệ thống tổng thể các tội phạm xảy ra. Nếu coi tình hình tội phạm là kết quả thì nguyên nhân của tình hình tội phạm là các hiện tượng xã hội, các quá trình xã hội như kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục vv... . - Chính các hiện tượng xã hội, các quá trình xã hội đó đã tác động qua lại với con người để từ đó hình thành nên các đặc điểm nhân thân tiêu cực, hình thành nên động cơ phạm tội và thực hiện tội phạm, tạo ra những điều kiện, tình huống có vấn đề làm phát sinh tội phạm. Và ngược lại sự tác động của chính các hiện tượng xã hội, quá trình xã hội tác động làm ngăn cản sự phát sinh của tội phạm. Khủng hoảng kinh tế, thiếu việc làm, đời sống khó khăn làm phát sinh tội phạm, kinh tế phát triển ổn định, việc làm dồi dào, đời sống được cải thiện làm giảm sự phát sinh tội phạm. Sự làm phát sinh, gia tăng hay làm giảm sự phát sinh đó tác động đến tình hình tội phạm được biểu hiện sinh

động, đầy đủ thông qua các đặc điểm của tình hình tội phạm như thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất và sự thay đổi, biến thiên của chính các đặc điểm đó.

** Yếu tố thuộc về pháp luật*

Quan điểm về tội phạm của nhà nước không bất biến trong mọi thời kỳ bởi sự thay đổi về nhận thức và chính những biến đổi của tình hình tội phạm, sự tác động của nó đến đời sống xã hội. Từ những lý do đó dẫn đến nhà nước phải có sự điều chỉnh kịp thời về chính sách hình sự. Hệ quả của sự điều chỉnh đó là sự thay đổi về pháp luật và tiêu biểu đó là sự thay đổi về pháp luật hình sự. Sự thay đổi về pháp luật hình sự được thực hiện bằng các hoạt động như tội phạm hóa, phi tội phạm hóa, hình sự hóa, phi hình sự hóa. Các hoạt động đó dẫn đến sự thay đổi về việc ghi nhận trên thực tế số vụ phạm tội, số người phạm tội. Từ đó “bức tranh” về tình hình tội phạm được thể hiện các đặc điểm về lượng và về chất được rút ra từ các thông số và mối quan hệ của các thông số đó có sự thay đổi.

Nhìn bề ngoài, sự tác động của yếu tố pháp luật mà tiêu biểu là pháp luật hình sự đã làm thay đổi “hình thức” tức thay đổi các thông số thống kê của tình hình tội phạm. Nhưng sâu hơn, sự tác động đó không chỉ là hình thức. Khi sự thay đổi, sửa đổi pháp luật hình sự một cách khoa học, phù hợp với tình hình “những hành vi nguy hiểm đang gây hại cho xã hội” dẫn đến sự nhận thức (thông qua các thông số thống kê về tội phạm và các số liệu, dữ liệu điều tra xã hội học) đầy đủ, chính xác về bản chất của tình hình tội phạm đang diễn ra trên thực tế. Sự nhận thức đầy đủ, chính xác đó là cơ sở cho thiết kế và triển khai các biện pháp phòng ngừa khả thi, hữu hiệu. Hiệu quả của các biện pháp đó là sự tác động trở lại tình hình tội phạm.

1.3. Mối quan hệ giữa tình hình tội phạm với nhân thân người phạm tội và nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm

**. Mối quan hệ giữa tình hình tội phạm với nhân thân người phạm tội*

Nhân thân người phạm tội “là tổng thể các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó” [46, tr. 131]

Như vậy trong mối quan hệ nhân quả, các đặc điểm nhân thân tiêu cực của

người phạm tội tác động với môi trường bên ngoài phát sinh tội phạm và tình hình tội phạm. Các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội được xét đến như là nguyên nhân của tình hình tội phạm.

Mặt khác trong mối quan hệ của tổng thể tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội được nhìn thấy như là một bộ phận của tình hình tội phạm, các đặc điểm nhân thân trên góc độ chung nhất (đại diện) là các yếu tố hình thành nên thực trạng, cơ cấu, là yếu tố không thể thiếu khi đánh giá động thái, tính chất của tình hình tội phạm.

** Mối quan hệ của tình hình tội phạm với nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm*

Tình hình tội phạm là hiện tượng xã hội được biểu hiện bằng hệ thống tổng thể các tội phạm xảy ra trên thực tế trong khoảng thời gian nhất định và trên địa bàn nhất định. Là hiện tượng xã hội giống như bao hiện tượng xã hội khác phát sinh và tồn tại trong xã hội nhưng lại không thúc đẩy sự phát triển xã hội. Trái lại hiện tượng tội phạm là hiện tượng xã hội tiêu cực bởi nó được tạo nên bởi các hành vi đi ngược quy chuẩn chung của xã hội và sự gây hại của chính các hành vi đó cho xã hội. Vậy cái gì đã tạo ra hiện tượng đó?

Nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm là sự tác động qua lại giữa các yếu tố làm phát sinh tội phạm, tình hình tội phạm, hiện tượng xã hội được gọi là tội phạm. Các yếu tố đó là các tiêu cực trong chính các hiện tượng xã hội, các quá trình xã hội thuộc môi trường sống của con người tác động qua lại với con người tạo nên đặc điểm nhân thân tiêu cực (khiếm khuyết nhân cách) nơi chính con người tồn tại trong đó. Yếu tố thuộc về môi trường sống được gọi là những tình huống xã hội có vấn đề mà sự tác động qua lại của các yếu tố này với con người mang đặc điểm nhân thân tiêu cực làm phát sinh hành vi của chính con người đó gọi là hành vi tội phạm, làm phát sinh tội phạm, tình hình tội phạm.

Nếu coi hiện tượng xã hội gọi là tội phạm là kết quả thì các yếu tố tiêu cực (sự tác động qua lại của các yếu tố tiêu cực với con người) trong chính các hiện tượng xã hội, các quá trình xã hội tồn tại trong môi trường sống là nguyên nhân tạo

ra kết quả đó. Tình hình tội phạm là kết quả của sự tác động qua lại của các yếu tố tiêu cực trong môi trường sống với con người. Với tính cách là kết quả, để cho kết quả đó không xảy ra chỉ thực hiện được bằng việc làm hạn chế hoặc triệt tiêu các yếu tố được gọi là nguyên nhân, điều kiện của tội phạm; làm giảm sự tác động của các yếu tố đó tác động với con người để hình thành nên con người mang đặc điểm nhân cách tiêu cực; làm giảm sự tác động của các yếu tố tiêu cực gọi là tình huống xã hội có vấn đề với con người mang đặc điểm nhân thân tiêu cực.

Kết luận chương 1

Chương 1 là hệ thống lý luận về tình hình tội phạm, mối quan hệ của tình hình tội phạm với nhân thân người phạm tội và nguyên nhân điều kiện của tình hình tội phạm. Hệ thống đó được nghiên cứu, kế thừa, tập hợp từ nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm học trước đó của các tác giả trong nước và sự phát triển của bản thân người nghiên cứu. Trong hệ thống lý luận đó là khái niệm và các đặc điểm của tình hình tội phạm; thực trạng và ý nghĩa của thực trạng tình hình tội phạm; diễn biến và ý nghĩa của diễn biến tình hình tội phạm; cơ cấu, các loại cơ cấu và ý nghĩa của từng cơ cấu; tính chất và cách đánh giá tính chất của tình hình tội phạm thông qua cơ cấu, diễn biến, thực trạng; làm rõ mối quan hệ của tình hình tội phạm với nhân thân người phạm tội và nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm.

Toàn bộ hệ thống lý thuyết đó là cơ sở để nghiên cứu khảo sát thực tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh một cách có hệ thống, khoa học để thu được những kiến thức cần có phục vụ phòng ngừa tội phạm.

Chương 2

TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Tình hình tội phạm rõ trên địa bàn huyện Cử Chi Thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Thực trạng tình hình tội phạm

Luận văn nghiên cứu thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cử Chi Thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành khảo sát trên ba mức độ: Mức độ tổng quan, mức độ nhóm, mức độ tội danh cụ thể.

Mức độ tổng quan tình hình tội phạm rõ trên địa bàn huyện Cử Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Mức độ tổng quan là cơ sở để xác định cơ số tội phạm, cơ số hành vi phạm tội, xu hướng của tình hình tội phạm, trong đó cơ số tội phạm, cơ số hành vi phạm tội là chỉ số khái quát nhất để đánh giá về mức độ của tình hình tội phạm trên một đơn vị hành chính lãnh thổ. Có thể xét đến số tội danh xảy ra trên thực tế gọi là cơ cấu tội danh.

- Cơ cấu tội phạm trên địa bàn huyện Cử Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ cấu tội phạm được tính bằng số vụ án xảy ra trong thời gian một năm trên 10.000 dân.

Bảng 2.1. Cơ cấu tội phạm trên địa bàn huyện Cử Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Vụ	Dân số (người)	Cơ số tội phạm
2012	279	354.600	7,88
2013	262	365.592	7,17
2014	293	374.731	7,83
2015	381	379.827	10.05
2016	332	389.049	8.53
Trung bình	309,40		8,29
Tổng	1.547		

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Cử Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Như vậy, cơ cấu tội phạm năm cao nhất là năm 2015 với chỉ số là 10,05; năm thấp nhất là năm 2013 với chỉ số là 7,17; chỉ số trung bình trong 5 năm từ 2012 đến 2016 là 8,29; so với chỉ số trung bình trong 5 năm từ 2012 đến 2016 của tình hình tội phạm Thành phố Hồ Chí Minh là 7,88. Nhìn chung cơ cấu tội phạm cao so với mức trung bình của Thành phố Hồ Chí Minh; tăng, giảm với độ giao động thấp, không có quy luật.

- *Cơ cấu hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh*

Cơ cấu hành vi phạm tội được tính bằng số bị cáo được đưa ra xét xử trên 10.000 dân.

Bảng 2.2. *Cơ cấu hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016*

Năm	Bị cáo	Số dân	Cơ số hành vi
2012	444	354.600	12,54
2013	490	365.592	13,42
2014	549	374.731	14,67
2015	543	379.827	14,32
2016	545	389.049	14,01
Trung bình			13,79

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Cơ cấu hành vi phạm tội của tình hình tội phạm huyện Củ Chi trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2016 năm cao nhất là năm 2014, năm thấp nhất là năm 2012, chỉ số trung bình trong 5 năm là 13,79 (so với cơ số hành vi phạm tội của tình hình tội phạm Thành phố Hồ Chí Minh có chỉ số trung bình là 12,21) là cao.

- Cơ cấu tội danh trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Số tội danh xảy ra trên thực tế ít so với quy định của Bộ luật hình sự, đa số là các tội mang tính truyền thống, chưa có những tội mang tính chất mới như về công nghệ thông tin hoặc có tính chất lợi dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội.

Bảng 2.3. *Mức độ tội danh xảy ra của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 so với số tội danh Bộ luật hình sự quy định.*

Năm	Tổng số tội danh	Số tội danh xảy ra	Tỷ lệ %
2012	239	25	10,46
2013	239	24	10,04
2014	239	23	9,62
2015	239	34	14,22
2016	239	20	8,36
Trung bình		25,20	10,54

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

** Mức độ nhóm tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh*

- Nhóm xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2.4. *Mức độ nhóm tội “xâm phạm sở hữu” trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016*

Năm	Tổng số tội danh	Số tội danh xảy ra	Tỷ lệ %
2012	239	25	10,46
2013	239	24	10,04
2014	239	23	9,62
2015	239	34	14,22
2016	239	20	8,36
Trung bình		25,20	10,54

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

- Nhóm tội về ma túy trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2.5. *Mức độ nhóm tội “ma túy” trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016*

Năm	Tổng		Nhóm tội về ma túy		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	279	444	31	42	11,11	9,45
2013	262	490	50	65	24,80	13,26
2014	293	549	71	90	24,23	16,39
2015	381	543	124	154	32,54	28,36
2016	332	545	153	166	46,08	30,45
Trung bình					27,73	20,10
Tổng	1.547	2.571	429	517		

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Nhóm tội về ma túy chiếm trung bình 27,73 số tội phạm xảy ra, đặc biệt tăng cao trong năm 2015, tăng 74,64%.

- Nhóm tội về chức vụ trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Không có vụ án nào về nhóm tội này được đưa ra xét xử trong 5 năm.

* *Mức độ hành vi (tội) của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh*

Trong thực trạng tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016, có những tội danh tần suất xảy ra nhiều hơn cả bao gồm: Tội trộm cắp tài sản; tội cướp giật tài sản; tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Trong tổng số 1.547 vụ án xảy ra trong 5 năm, 3 loại tội danh trên có 915 vụ (chiếm 59,14%). Có 2.571 bị cáo trong tổng số, 3 loại tội danh trên có 1.142 bị cáo (chiếm 44,41%).

Bảng 2.6. Mức độ tội danh xảy ra nhiều nhất trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Tổng		Trộm cắp tài sản		Cướp giật tài sản		Tàng trữ, vận chuyển ... ma túy	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	279	444	73	90	47	58	31	42
2013	262	490	72	81	45	64	50	65
2014	293	549	75	85	46	72	71	90
2015	381	543	82	111	53	78	124	154
2016	332	545	73	107	30	45	153	166
Tổng	1.547	2.571	375	474	221	317	429	517
Tỷ lệ	100%	100%	24,24%	18,43%	14,29%	12,33%	27,73%	20,10%

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Như vậy, thực trạng tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ 2012 đến 2016 có thể được khái quát như sau:

- Về mức độ tổng quan: Số vụ phạm tội xảy ra nhiều hơn so với mức trung bình của thành phố và nhiều hơn một số địa bàn tương đương khác; cơ cấu hành vi cao hơn so với trung bình; tỷ lệ số tội danh xảy ra trên thực tế so với số tội danh bộ luật hình sự quy định nhỏ.

- Về mức độ nhóm: Tội phạm xảy ra nhiều ở nhóm tội xâm phạm sở hữu, ma túy; các tội về xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự nhân phẩm ít; đặc biệt nhóm tội về chức vụ thực trạng tội phạm rõ trong 5 năm ghi nhận không có trường hợp nào.

- Về mức độ tội cụ thể xảy ra nhiều ở các tội cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, tàng trữ, mua bán vận chuyển và chiếm đoạt trái phép chất ma túy.

Những đặc điểm về thực trạng phản ánh đúng đặc điểm kinh tế - xã hội huyện Củ Chi và đặc điểm chung của tình hình tội phạm Thành phố Hồ Chí Minh:

- Các tội về xâm phạm sở hữu xảy ra nhiều vì đây là địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp, sản xuất, dịch vụ, tài sản tập trung nhiều, nhiều người về đây làm ăn buôn bán mang theo tiền, tài sản.

- Là địa bàn kết nối ngoại thành với trung tâm vì vậy các tội về ma túy cũng chiếm số lượng lớn.

- Huyện Củ Chi là huyện ngoại thành, trình độ dân trí thấp hơn, khu vực này tập trung hàng hóa, không tập trung nhiều quán nhậu, kinh doanh dịch vụ nhạy cảm cho nên các tội về xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm ít xảy ra.

2.1.2. Diễn biến tình hình tội phạm

Diễn biến của tình hình tội phạm mà chúng ta đang đề cập là diễn biến về thực trạng của tình hình tội phạm, diễn biến về cơ cấu ta sẽ đề cập tại phần cơ cấu.

Nhìn chung tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ 2012 đến 2016 có xu hướng tăng về cả số vụ (từ 279 vụ năm 2012 tăng lên 332 vụ năm 2016, mức tăng trung bình hàng năm là 5.95%) và số người phạm tội (từ 444 bị cáo năm 2012 và 545 bị cáo năm 2016, mức tăng trung bình là 5,33). Như vậy mức tăng như thế là cao hơn so với mức trung bình của tình hình tội phạm thành phố (các chỉ số tương đương là 3% và 2,8%) và các quận tương đương khác.

Về nhóm tội “xâm phạm sở hữu” có xu hướng tăng về số vụ (109 vụ năm 2012 tăng lên 125 vụ năm 2016), người phạm tội có xu hướng tăng (từ 154 bị cáo năm 2012 lên 173 bị cáo năm 2016).

Về nhóm tội “ma túy” diễn biến của tội “tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” vì trong khoảng thời gian khảo sát nhóm tội về ma túy chỉ xảy ra loại hành vi này.

Về tội phạm cụ thể:

Tội “trộm cắp tài sản” có xu hướng tăng cả số vụ và số người phạm tội.

Tội “cướp giật tài sản” có xu hướng tăng về số vụ và số người phạm tội.

2.1.3. Cơ cấu tình hình tội phạm

- Cơ cấu của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh theo tên chương của phần các tội phạm cụ thể của Bộ luật hình sự

Đây là loại cơ cấu cho ta cái nhìn tổng quan về tình hình tội phạm rõ trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo cơ cấu của Bộ luật hình sự, phần các tội phạm cụ thể được chia thành 14 chương - trừ chương XXIII, các tội xâm phạm về trách nhiệm nghĩa vụ của quân nhân, đây là những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự, không thuộc phạm vi khảo sát của đề tài- còn lại 13 chương.

Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 xảy ra các loại tội phạm tại 5 chương với tổng cộng 1.547 vụ tương ứng với 2.571 bị cáo. Cụ thể như sau:

Chương XII, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, xảy ra 60 vụ (chiếm 3,87%) với 92 bị cáo (chiếm 3,57%) tăng giảm hàng năm không có quy luật.

Chương XIV, các tội xâm phạm sở hữu xảy ra 864 vụ (chiếm 55,87%) với 1.437 bị cáo (chiếm 55,89%), tăng bình quân hàng năm về số vụ và số bị cáo.

Chương XVI, các tội xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế, xảy ra 30 vụ (chiếm 0,19%) với 64 bị cáo (chiếm 2,48%), tăng giảm không có quy luật.

Chương XVIII, các tội phạm về ma túy xảy ra 429 vụ (chiếm 27,73%) với 517 bị cáo (chiếm 20,10%), có xu hướng tăng mạnh cả về số vụ (44,1%/năm) và bị cáo (43,1%/năm)

Chương XIX, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng xảy ra 146 vụ (chiếm 9,43%) với 154 bị cáo (chiếm 5,98%), tăng giảm không có quy luật.

Chương XX, các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính xảy ra 15 vụ (chiếm 0,96%) với 18 bị cáo (chiếm 0,70%), tăng giảm không có quy luật.

Riêng chương XXI, các tội phạm về chức vụ, là những tội phạm đang được dư luận xã hội quan tâm nhất hiện nay, trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 không ghi nhận vụ nào.

- Cơ cấu của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh theo tội danh cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự

Bảng 2.7. Cơ cấu theo tội danh cụ thể của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Tội danh	Số vụ án						Tỷ lệ %
	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng	
Tội cướp giết tài sản	47	45	46	53	30	221	14,29
Tội trộm cắp tài sản	73	72	75	82	73	375	24,24
Tội cưỡng đoạt tài sản	11	11	10	15	5	52	3,36
Tội cướp tài sản	17	15	13	22	7	74	4,78
Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	14	11	13	12	7	57	3,68
Tội lạm dụng tín nhiệm .. tài sản	9	7	9	13	8	46	3,00
Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	10	7	7	12	4	40	2,59
Tội tàng trữ, mua bán, vận chuyển..... chất ma túy	31	50	71	124	153	429	27,73
Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác	28	7	3	5	8	51	3,30
Tội dâm ô đối với trẻ em				1		1	0,06
Tội giao cấu với trẻ em			2	1	1	4	0,26
Tội sản xuất, buôn bán hàng giả	1		1		2	4	0,26
Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm	3	1	3	2	1	10	0,64
Tội chống người thi hành công vụ	2	2	1	1	2	8	0,52

Tội sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận của cơ quan, tổ chức	1	0	2	3	1	7	0,45
Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức	1	0	2	1	1	5	0,32
Tội vi phạm về điều khiển phương tiện..... đường bộ	8	14	12	12	10	56	3,62
Tội đánh bạc	9	10	7	10	9	45	2,91
Tội tổ chức đánh bạc	10	8	11	8	8	45	2,91
Tội môi giới mại dâm	1	1	1	1		4	0,26
Tội chứa mại dâm	1	1	3	2	1	8	0,52
Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác	0	0	1	1	1	3	0,20

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Theo cơ cấu này, các tội chiếm tỷ trọng xảy ra nhiều nhất gồm: Tội tàng trữ, mua bán, vận chuyển chiếm đoạt trái phép chất ma túy (27,73%); tội trộm cắp tài sản (22,30%); tội cướp giật tài sản (4,65%).

- Cơ cấu của tình hình tội phạm theo loại tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Theo cơ cấu này, tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 có các số liệu cụ thể như sau:

Tội đặc biệt nghiêm trọng có 18 vụ, chiếm 1,2%; tội rất nghiêm trọng có 161 vụ, chiếm 10,5%, tội nghiêm trọng có 559 vụ, chiếm 36,2%, tội ít nghiêm trọng có 809 vụ, chiếm 52,3%. Tuy nhiên có xu hướng gia tăng của các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (từ 9,3% năm 2012 lên 12,4% năm 2016).

- Cơ cấu của tình hình tội phạm theo hình thức phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ trọng giữa người phạm tội và vụ phạm tội của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 là 1,66. Trong đó phạm tội theo hình thức đồng phạm là 480 vụ (chiếm 31%), còn lại 1.067 vụ (chiếm 69%) là phạm tội đơn lẻ. Trong 480 vụ có đồng phạm chỉ ghi nhận 16 vụ thuộc hình thức phạm tội có tổ chức.

- Cơ cấu của tình hình tội phạm theo địa bàn phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh là huyện ngoại thành của thành phố, được chia thành 20 xã và 01 thị trấn với diện tích và số dân không đều.

Bảng 2.8. *Cơ cấu theo địa bàn phạm tội của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016*

Xã	Số vụ	Tỷ lệ	Xã	Số vụ	Tỷ lệ
Thị trấn Củ Chi		5,4%	Phước Vĩnh An		3,8%
Tân Phú Trung		5,2%	Tân Thạnh Tây		5,2%
Tân Thông Hội		4,5%	Tân Thạnh Đông		7,3%
Tân An Hội		5,3%	Bình Mỹ		4,4%
Phước Hiệp		5,2%	Hòa Phú		4,6%
Phước Thạnh		4,5%	Trung An		5,2%
Thái Mỹ		4,4%	Phú Hòa Đông		4,2%
Trung Lập Thượng		4,0%	An Phú		4,1%
Trung Lập Hạ		4,3%	Phú Mỹ Hưng		5,0%
Nhuận Đức		5,0%	An Nhơn Tây		4,3%
Phạm Văn Cội		4,1%			

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Số vụ phạm tội xảy ra phân bố tương đối đồng đều trên địa bàn các xã, trừ xã Tân Thạnh Đông. Đây là xã có diện tích rộng, dân số đông, lại là địa bàn phức tạp, nhức nhối về ma túy, cờ bạc. Riêng về tội phạm ma túy khu vực xã Tân Thạnh Đông chiếm 124 vụ trong tổng số 429 vụ (chiếm 29%).

- Cơ cấu của tình hình tội phạm theo loại hình phạt áp dụng cho người phạm tội

Bảng 2.9. Cơ cấu theo loại hình phạt áp dụng của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Tên hình phạt	Số bị cáo	Tỷ lệ
Trục xuất	0	0,00%
Cảnh cáo	0	0,00%
Phạt tiền (hình phạt chính)	0	0,00%
Cải tạo không giam giữ	0	0,00%
Án treo	265	10,3%
Tù từ 3 năm trở xuống	1.214	47,21%
Tù từ trên 3 năm đến 7 năm	794	30,88%
Tù từ trên 7 năm đến 15 năm	229	8,90%
Tù từ trên 15 năm	59	2,29%
Tù chung thân	8	0,31%
Tử hình	3	0,11%

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Nhìn vào bảng cơ cấu hình phạt áp dụng ta thấy toàn bộ người phạm tội trên huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 được áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Tỷ lệ nhiều nhất là tù có thời hạn đến 15 năm. Các hình phạt khác không được áp dụng.

- Cơ cấu theo hình thức lỗi của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Hầu hết tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 đều có hình thức lỗi là cố ý. Người thực hiện tội phạm do cố ý chiếm đến 98%, chỉ còn khoảng 2% là do vô ý phạm tội.

- Cơ cấu theo động cơ của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Xem xét trên cơ cấu tội phạm cụ thể ta thấy phần lớn những tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 đều liên quan đến chiếm đoạt tài sản hoặc vì mục đích tài sản. Do đó phần lớn người phạm tội có động cơ vụ lợi, có tới 2.427 người phạm tội vì vụ lợi (chiếm 94,4%), còn lại là động cơ khác như thỏa mãn sinh lý, thể hiện cá nhân, trả thù ...

Đòi hỏi của nghiên cứu tội phạm không cho phép chỉ dừng lại ở động cơ vụ lợi mà cần phải làm rõ thêm người ta vụ lợi để làm gì. Người ta chiếm đoạt tài sản hay vì mục đích tài sản để làm gì, để khắc phục tình trạng khó khăn của gia đình, để làm giàu, để thỏa mãn nhu cầu thái quá như hút ma túy, nhậu nhẹt, ăn chơi...

Phần lớn những tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 có động cơ vụ lợi đều vì để thỏa mãn nhu cầu thái quá của cá nhân. Nhu cầu mà xã hội không cho phép hoặc bản thân không có điều kiện hợp pháp để thỏa mãn nó. Có 2.340 người phạm tội (chiếm 91%) vì mục đích đó. Trong đó 437 lượt người phạm tội (chiếm 17%) để có tiền hút ma túy.

- Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân của người phạm tội là một hệ thống các cơ cấu theo các đặc điểm nhân thân có ý nghĩa cho nghiên cứu.

+ Cơ cấu theo giới tính trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Theo số liệu thống kê, trong 2.571 người phạm tội có 360 người có giới tính là nữ (chiếm 14%). Chỉ số này thấp hơn Quận 8 (18,7%), Quận 3 (16%) nhưng cao hơn mức trung bình của thành phố là 13,4%. Điều đáng lo ngại là tỷ lệ này càng ngày càng cao, năm 2012 mới chỉ chiếm 11% nhưng năm 2016 chiếm tới 15,2%, và có nhiều nữ tham gia vào các tội mà trước đây thường là nam giới thực hiện như cướp giật tài sản, cướp tài sản. Nữ thường là người phạm các tội đánh bạc, về ma túy, lạm dụng tín nhiệm.

+ Cơ cấu theo độ tuổi trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2.10. Cơ cấu theo độ tuổi người phạm tội của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	14 đến dưới 16 tuổi		16 đến dưới 18 tuổi		18 đến dưới 30 tuổi		30 đến dưới 60 tuổi		Trên 60 tuổi	
	Bị cáo	Tỷ lệ	Bị cáo	Tỷ lệ	Bị cáo	Tỷ lệ	Bị cáo	Tỷ lệ	Bị cáo	Tỷ lệ
2012	4	0,8%	20	4,4%	151	34%	262	59%	9	2%
2013	2	0,4%	10	3,5%	91	31,3%	184	63,4%	4	1,4%
2014	5	1%	23	4,2%	171	31,1%	340	62%	11	2%
2015	8	1,5%	28	5,2%	195	36%	297	54,7%	11	2,1%
2016	11	2%	34	6,3%	207	38%	288	52,8%	3	0,5%
Tổng	30		115		815		1371		38	
TB		1,14%		4,72%		34,1%		58,4%		1,6%

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Trong cơ cấu này nhận thấy tội phạm được thực hiện hầu hết do người thành niên, người trong độ tuổi lao động, tỷ lệ người phạm tội là người chưa thành niên và người già chiếm ít (khoảng 7,5%). Tuy nhiên, người phạm tội ngày càng được trẻ hóa, cụ thể là tỷ lệ người phạm tội là người chưa thành niên, người dưới 30 tuổi có xu hướng tăng.

+ Cơ cấu theo trình độ học vấn trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2.11. Cơ cấu theo trình độ học vấn của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Trình độ học vấn	Bị cáo	Tỷ lệ
Không biết chữ	15	0,6%
Cấp 1	987	38,4%
Cấp 2	1.211	47,1%
Cấp 3	260	10,1%
Trung học chuyên nghiệp trở lên	98	3,8%

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Trình độ học vấn của những người thực hiện tội phạm thấp. Trong giai đoạn hiện nay hầu hết thanh niên đều học hết cấp 3 sau đó vào đại học hoặc học các trường nghề thì hầu hết những người phạm tội chỉ là hết cấp 1 hoặc hết cấp 2. Chỉ có một số ít tốt nghiệp cấp 3 và trung cấp chuyên nghiệp trở lên. Do vậy nâng cao trình độ học vấn để con người có nhận thức về quy chuẩn, giá trị, khả năng tìm kiếm việc làm tốt hơn là giải pháp quan trọng.

- *Cơ cấu theo đặc điểm có nghề nghiệp hay không có nghề nghiệp trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh*

Bảng 2.12. *Cơ cấu theo đặc điểm có nghề nghiệp và không có nghề nghiệp của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016*

	Số bị cáo	Tỷ lệ
Có nghề nghiệp ổn định	103	4%
Không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định	2.468	96%

(*Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*)

Chỉ có 4% người phạm tội có nghề nghiệp ổn định, còn lại 96% không có nghề nghiệp ổn định tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân và gia đình. Điều này phản ánh đúng tình hình tội phạm 10 Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016. Qua khảo sát hầu hết là tội phạm chiếm đoạt tài sản hoặc vì mục đích tài sản. Các tội không vì mục đích tài sản chiếm thiểu số.

+ *Cơ cấu theo đặc điểm tái phạm; tiền án, tiền sự trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh*

Bảng 2.13. *Cơ cấu theo đặc điểm tái phạm; tiền án, tiền sự của người phạm tội trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016*

	Số bị cáo	Tỷ lệ
Tái phạm	488	19%
Không tái phạm	2.083	81%
Có tiền án, tiền sự	1.645	64%
Không có tiền án, tiền sự	926	36%

(*Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*)

Phần lớn người phạm tội (64%) là người đã có tiền án, tiền sự; người không có tiền án, tiền sự chỉ chiếm 36%. Như vậy người đã có tiền án, tiền sự là người có nguy cơ cao tiếp tục thực hiện tội phạm. Có tới 19% người phạm tội là người tái phạm. Điều này đặt ra cho việc quản lý xã hội, giáo dục, tạo điều kiện việc làm, hòa nhập cuộc sống của những người đã có tiền án, tiền sự.

2.1.4. Tính chất tình hình tội phạm

Tính chất của tình hình tội phạm là những đặc điểm cơ bản về chất của tình hình tội phạm trên một địa bàn trong một khoảng thời gian nhất định. Nó là những đặc điểm thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội cũng như những đặc điểm mà sự tăng lên của nó làm gia tăng tính nguy hiểm cho xã hội. Là những đặc điểm về chất nên nó phải được rút ra trên cơ sở các đặc điểm về lượng hay nói cách khác tính chất của tình hình tội phạm chỉ có thể có được thông qua nhận thức về thực trạng, diễn biến (diễn biến của thực trạng và diễn biến về cơ cấu), cơ cấu của tình hình tội phạm.

Tính chất của tình hình tội phạm rõ trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh là những đặc điểm về chất thông qua nhận thức về thực trạng, diễn biến, cơ cấu của tình hình tội phạm đó. Đó là những đặc điểm thể hiện tính chất chung của tình hình tội phạm cả nước, của Thành phố Hồ Chí Minh và những đặc điểm riêng có của tình hình tội phạm huyện Củ Chi.

Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 diễn biến nguy hiểm, xu hướng tăng lên cả về số vụ và số người phạm tội, cơ cấu tội phạm cao hơn mức trung bình của Thành phố Hồ Chí Minh và có xu hướng tăng. Trong tổng số vụ phạm tội xảy ra, tỷ lệ các vụ có động cơ vụ lợi, có mục đích tài sản chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng.

Người phạm tội ngày càng trẻ hóa, tỷ lệ người phạm tội là người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định chiếm tỷ trọng lớn, tỷ lệ là nữ cao hơn mức trung bình. Tỷ lệ người phạm tội là người chưa thành niên tăng lên và sự

tham gia vào các vụ phạm tội có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao, mang tính chất côn đồ.

Với những đặc điểm riêng có của điều kiện kinh tế - xã hội huyện Củ Chi, tính chất của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 cũng có những đặc điểm riêng.

Đây là địa bàn huyện ngoại thành, là khu vực đô thị hóa từng ngày, các khu công nghiệp hình thành, di dân từ nơi khác đến để tìm việc rất lớn nên các tội về chiếm đoạt tài sản hoặc có mục đích đạt tới là tài sản chiếm số lượng lớn hơn mức trung bình. Là địa bàn rộng lớn, khu vực ngoại thành nên là địa điểm thuận lợi cho hoạt động buôn bán ma túy nên tỷ lệ tội phạm ma túy nhiều, tập trung nhiều ở các vùng tiếp giáp với huyện Hóc Môn nơi có Bến xe An Suông là trung tâm của các đầu nậu ma túy.

2.2. Tình hình tội phạm ẩn trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh

Tội phạm ẩn hay tình hình tội phạm ẩn là tất yếu và tình hình tội phạm ẩn trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh không nằm ngoài sự tất yếu đó. Tình hình tội phạm ẩn trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh có đầy đủ các loại tội phạm ẩn cũng như nguyên nhân tội phạm ẩn theo lý luận tội phạm ẩn đã phân tích.

Theo số liệu thống kê của công an huyện Củ Chi và công an Thành phố Hồ Chí Minh, hàng năm số lượng vụ án đã khởi tố phải tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra với số lượng lớn. Các vụ án được tạm đình chỉ với lý do “đã hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can”, đình chỉ với lý do “đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can phạm tội” do không xác định được chủ tài sản. Trên thực tế đó là các vụ phạm tội.

Bảng 2.14. Tỷ lệ vụ án khởi tố và vụ án xét xử của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016.

Năm	Số vụ án khởi tố	Số vụ án đưa ra xét xử	Tỷ lệ vụ án xét xử so với khởi tố
2012	399	279	70%
2013	358	262	73,1%
2014	432	293	67,8%
2015	567	381	67,2%
2016	489	332	67,9%
Tổng	2.245	1.547	
TB			68,9%

(Nguồn: Số liệu thống kê của tòa án nhân dân, công an huyện Củ Chi; tòa án nhân dân, công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Qua bảng 2.15 ta thấy tỷ lệ vụ án xét xử chỉ đạt 68,9% so với vụ án khởi tố. Trong phần lớn vụ tạm đình chỉ, đình chỉ đó là do không chứng minh được tội phạm mặc dù tội phạm đã xảy ra trên thực tế. Và cũng phần lớn trong đó là tội trộm cắp tài sản, tội cướp giật tài sản. Tỷ lệ phục hồi điều tra là rất ít. Chưa kể là do áp lực thành tích mà cơ điều tra không khởi tố nhiều vụ mặc dù có dấu hiệu tội phạm.

Qua phỏng vấn, trao đổi với các điều tra viên tại công an huyện Củ Chi, xác nhận có những nguyên nhân làm ản tội phạm:

Về phía chủ quan: Trình độ năng lực của nhiều điều tra viên còn chưa đáp ứng yêu cầu về mặt nghiệp vụ, thái độ đối với công việc, tác phong làm việc không đồng viên được sự hợp tác của người bị hại, người làm chứng; công tác phòng ngừa quản lý đối tượng, có nguy cơ cao trở thành người phạm tội chưa hiệu quả, nhất là ở cơ sở; tội phạm xảy ra nhiều trong khi biên chế không đủ người để thực hiện tốt nhiệm vụ, cơ chế hiện nay chưa thúc đẩy người có năng lực, có nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ điều tra viên; cơ chế nhận tin báo về tội phạm hiện nay chưa đảm bảo kịp thời đến cơ quan điều tra, nhất là những vụ trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản làm mất thời cơ phá án. Bao trùm lên tất cả các nguyên nhân đó là

cơ chế vận hành của bộ máy phòng, chống tội phạm chuyên trách mà ở đó không có khả năng động viên được người có năng lực, đạo đức, trách nhiệm phát huy hiệu quả của mình.

Về khách quan: Sự gia tăng của tội phạm về mặt số lượng và ngày càng có tính chất chuyên nghiệp hơn trong hành vi phạm tội đã vượt quá sự gia tăng về nhân lực và cơ sở vật chất của lực lượng phòng chống tội phạm; sự hợp tác trong phòng, chống tội phạm của người dân còn chưa hiệu quả xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ về tác hại của tội phạm cũng như quy trình phòng, chống tội phạm và tác phong, thái độ làm việc của chính đội ngũ cán bộ đang cản trở quá trình hợp tác đó.

Trong thời gian qua, tình trạng tham nhũng theo đánh giá của Đảng và nhà nước là đang diễn biến phức tạp, từ tham nhũng với khối tài sản lớn như vụ Dương Chí Dũng, hàng loạt vụ án tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn cho đến tham nhũng vặt đang tràn lan gây bức xúc dư luận xã hội. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Củ Chi, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện Củ Chi từ năm 2012 đến năm 2016 chưa xét xử vụ án nào liên quan đến tham nhũng.

Qua điều tra xã hội học về tình hình tham nhũng trên địa bàn huyện Củ Chi của học viên. Có đến 99% số người khi được hỏi trả lời “có tham nhũng” và “tham nhũng đang gia tăng”. Trên những cơ sở đó ta có thể khẳng định tình hình tội phạm về tham nhũng của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 ần 100%. Thực trạng đó được tạo ra bởi các nguyên nhân:

Hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng kém hiệu quả. Kém hiệu quả một phần bởi trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, phần khác là yếu tố lợi ích nhóm đã làm cho công tác thanh kiểm tra mất tác dụng.

Hoạt động tự kiểm tra của chính cơ quan, tổ chức không phát huy hiệu quả vì hầu hết các vụ tham nhũng xảy ra đều có sự liên quan đến người đứng đầu, đa số công chức, viên chức coi tham nhũng như là sự bình thường, số ít còn lại dù phản kháng nhưng vì còn gắn đến công việc và quyền lợi không tố giác.

Sự giám sát của đại biểu dân cử không hiệu quả, cơ chế thiếu minh bạch nên người dân không đủ thông tin để giám sát.

2.3. Dự báo về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 5 năm tới

Trong thời gian 5 năm tới về cơ bản đời sống kinh tế - xã hội vẫn chưa có sự đột biến, kinh tế vẫn đang ở trong tình trạng khó khăn, tăng trưởng thấp, thiếu tính bền vững, ổn định. Về hiệu ứng của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, cộng đồng kinh tế Asean đem lại cho nền kinh tế như nhiều người kỳ vọng thì hiệu quả của nó trong vòng 5 năm tới là chưa rõ rệt. Đời sống của phần lớn người dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Về cải cách giáo dục để xây dựng con người từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện cả về năng lực và phẩm chất tạo ra một thế hệ tương lai có đầy đủ phẩm chất, đạo đức, có năng lực làm việc đang trên những lộ trình đầu tiên chưa thể phát huy hiệu quả trong tương lai gần.

Đất nước đang hội nhập sâu, xã hội đang tiếp tục phát triển, thay đổi, những quy chuẩn về đạo đức cũ không còn phù hợp với điều kiện mới của xã hội tiếp tục bị phá vỡ, những quy chuẩn đạo đức mới chưa có đủ thời gian để hình thành và khẳng định giá trị. Khoảng trống đó đang tạo ra mảnh đất “phù hợp” cho sự phát sinh tội phạm.

Với những điều kiện xã hội đó nếu hiệu quả về công tác phòng ngừa trên cả tầm vĩ mô và vi mô, đặc biệt mật thiết nhất là hiệu quả công tác phòng ngừa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và huyện Củ Chi nếu không tiếp tục cải thiện thì tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi trong thời gian 5 năm tới vẫn diễn biến theo chiều hướng tăng thêm mức độ nguy hiểm cho xã hội.

Thực trạng của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục tăng về số vụ và số người phạm tội. Điều đó được chứng minh bởi xu hướng tăng liên tục trong thời gian từ 2012 đến 2016 và về cơ bản nếu không có đột phá trong phòng ngừa thì xu hướng đó là tất yếu.

Người phạm tội có xu hướng trẻ hóa, tỷ lệ người chưa thành niên phạm tội, người phạm tội có xu hướng tăng lên trong tổng số người phạm tội.

Tội phạm về chiếm đoạt tài sản, vì mục đích tài sản, tội phạm về ma túy tiếp tục tăng và chiếm tỷ trọng lớn trong tình hình tội phạm.

Tội phạm ẩn tăng lên cùng với xu thế tăng về số vụ và số người phạm tội. Điều này được chứng minh bằng tỷ lệ khám phá thành công vụ án giảm, sự hợp tác của người dân chưa được phát huy, hiệu quả công tác phòng, chống chưa cao. Đặc biệt là tội phạm ẩn trong lĩnh vực liên quan đến tham nhũng, người có chức vụ bởi cơ chế phòng chống tham nhũng còn mang tính hình thức.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở vận dụng lý luận về tình hình tội phạm đã khảo sát, làm rõ tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ 2012 đến 2016. Những dữ liệu thu được có hệ thống về thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất là cơ sở, căn cứ cho việc sửa đổi pháp luật, biện pháp phòng ngừa và hệ thống tổ chức phòng ngừa hiện nay để kiểm soát tình hình tội phạm, ngăn ngừa động thái gia tăng về số lượng cũng như tính chất nguy hiểm cho xã hội, đảm bảo trật tự xã hội phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Chương 3

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN CỬ CHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh và việc tăng cường các giải pháp phòng ngừa

Phòng ngừa tội phạm là tổng thể các biện pháp nhằm hạn chế hoặc loại trừ các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm nhằm làm giảm tội phạm hoặc không để cho tội phạm xảy ra.

Trong tổng thể các biện pháp phòng ngừa tội phạm thường được tiến hành theo hai hướng: Hướng các biện pháp nhằm phát triển xã hội và hướng các biện pháp ngăn chặn tội phạm.

Hướng các biện pháp nhằm phát triển xã hội là hướng căn bản, lâu dài đó là tổng thể các biện pháp để nhằm phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, pháp luật và các mặt của đời sống xã hội nhằm hạn chế, loại trừ các yếu tố là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, nguyên nhân, điều kiện để hình thành các đặc điểm nhân cách tiêu cực ở con người.

Hướng các biện pháp ngăn chặn không để cho tội phạm xảy ra hoặc xảy ra đến cùng và hậu quả nguy hiểm cho xã hội của nó. Đây là các biện pháp mang tính “chiến thuật”, trực tiếp, áp dụng các kỹ thuật phòng ngừa.

Trong khuôn khổ đề tài, từ tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 để hoàn thiện các biện pháp các biện pháp phòng ngừa. Do vậy các biện pháp được đưa ra và hướng hoàn thiện của nó phải lấy căn cứ từ thực tiễn đó và quan trọng hơn phải có ý nghĩa trong việc giải quyết thực tiễn đó.

3.1.1. Tăng cường giải pháp kinh tế - xã hội

Phát triển kinh tế - xã hội là một trong những giải pháp lớn, lâu dài, căn bản để phòng ngừa tội phạm. Trong những những năm qua sự phát triển kinh tế đã đem lại cho đại bộ phận nhân dân cuộc sống ấm no, đời sống vật chất và tinh thần được nâng lên đáng kể. Nhưng quá trình đó cũng làm cho sự phân hóa giàu nghèo ngày

càng rõ rệt. Bên cạnh một tầng lớp tỷ phú, triệu phú ngày càng nhiều, tầng lớp trung lưu ngày càng đông thì một bộ phận dân chúng với những yếu điểm của mình đã không đủ điều kiện để thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu nhất của cuộc sống hiện nay. Và rồi dưới áp lực cuộc sống, họ bước vào con đường phạm tội. Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 đã phản ánh thực tế là 94,4% người phạm tội vì động cơ vụ lợi hay vì mục đích tài sản, 94% không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Thực tế đó cũng phản ánh chính sách phát triển kinh tế xã hội chưa hài hòa và hiệu quả, ít nhất là đối với phòng ngừa tội phạm. Để giải quyết tốt mục đích phòng ngừa tội phạm trong biện pháp phát triển kinh tế xã hội đòi hỏi phải được hoàn thiện theo hướng:

Phát triển kinh tế phải gắn chỉ số tăng trưởng với tính bền vững, không gây chia rẽ, phân cực xã hội.

Gắn phát triển kinh tế với tạo việc làm đa dạng, chú ý tới tạo việc làm cho những nhóm yếu thế như người nghèo, không có tay nghề, trình độ học vấn thấp, nông dân mất đất... Mọi chính sách phải hướng tới tạo điều kiện cho nhóm đối tượng bị tác động trực tiếp đến quyền lợi. Bài học về cuộc sống của những người nông dân sau khi mất đất sản xuất hiện nay như một lời nhắc nhở. Sau khi nhường kế sinh nhai của mình để đổi lấy một số tiền khá lớn, những người chân lấm tay bùn được thực hành cách tiêu tiền của những người có tiền, do không có kỹ năng quản lý tiền bạc số lượng lớn nên chỉ sau vài năm tài sản không còn, chỉ còn lại một gia đình không nghề nghiệp, không kế sinh nhai bên cạnh những cao ốc tráng lệ, những khu nghỉ dưỡng dành cho người giàu trên chính mảnh đất của mình. Và rồi họ sẽ làm gì để sống.

Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo phúc lợi xã hội, các chính sách bảo hiểm phải thực sự hướng tới người dân, công cuộc xóa đói giảm nghèo phải đi vào thực chất và bền vững, ưu tiên các nhóm yếu thế.

3.1.2. Tăng cường giải pháp văn hoá, giáo dục

Giáo dục là biện pháp căn bản cho phòng ngừa tội phạm, nó hứa hẹn tạo ra những con người không có đặc điểm nhân thân tiêu cực và năng lực làm việc tạo ra của cải vật chất nhằm thỏa mãn các nhu cầu của mỗi con người mà không gây hại đến người khác. Đó là việc cung cấp cho con người những giá trị, chuẩn mực về văn hóa, đạo đức, chính trị, pháp luật ... để từ đó con người hấp thụ và tạo nên nhân cách của mình và ứng xử phù hợp với những giá trị đó của đời sống chung của cộng đồng. Giáo dục còn có chức năng là đào tạo cho con người kỹ năng lao động để làm việc và tạo ra vật chất để thỏa mãn các nhu cầu của mình.

Giáo dục không đơn thuần chỉ được thực hiện trong nhà trường, nó còn được thực hiện thông qua môi trường gia đình, môi trường xã hội và các tiểu môi trường khác.

Qua khảo sát, 87% người phạm tội tại huyện Củ Chi chỉ tốt nghiệp cấp 2 trở xuống, 94% không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Vậy tại sao những người này lại chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số người phạm tội?. Chắc chắn sẽ được trả lời là họ có nhiều đặc điểm nhân thân tiêu cực và họ không có nghề nghiệp ổn định để sống. Những đặc điểm nhân thân họ có là do họ rời ghế nhà trường sớm. Điều đó cho phép ta đưa ra nhận định: giáo dục đang phó mặc cho nhà trường mặc dù môi trường nhà trường vẫn còn đang có nhiều hạn chế.

Để biện pháp giáo dục là biện pháp căn bản, có ý nghĩa trong phòng ngừa tội phạm phải hoàn thiện theo hướng:

Giáo dục phải được tiến hành một cách đồng bộ giữa nhà trường, gia đình, xã hội chứ không như hiện nay đang kiểu khoán trắng cho nhà trường. Các cấp học ở lứa tuổi nhỏ trước tiên phải là giáo dục đạo đức, các chuẩn mực về văn hóa Việt Nam, kỹ năng sống và kỹ năng sống chung với xã hội sau đó mới là kiến thức, phải là “tiên học lễ hậu học văn”, để rồi các em dù điều kiện nào đó không thể tiếp tục bậc học cao hơn vẫn có hệ thống chuẩn mực sống, ứng xử phù hợp với đời sống chung xã hội. Điều này có ý nghĩa thiết thực trong giai đoạn hiện nay khi mà xã hội đang phát triển một cách nhanh chóng, các điều kiện, môi trường xã hội cũ đã thay

đôi vì thế nhiều chuẩn mực đạo đức cũ không còn phù hợp, những chuẩn mực đạo đức mới chưa đủ thời gian để khẳng định và duy trì xã hội, khoảng trống đó đang rất không có lợi cho ổn định xã hội. Nền giáo dục hiện nay dù đã kêu gọi đổi mới, áp lực đổi mới nhưng những định hướng đó vẫn là trên văn bản của bộ Giáo dục đào tạo chứ chưa được hiện thực hóa. Vẫn là nền giáo dục nhồi nhét kiến thức, rập khuôn và sự hoành hành của bệnh thành tích.

Giáo dục xây dựng cho người học hệ thống chuẩn mực sống nhưng phải phát huy được giá trị, phẩm chất, năng lực riêng có của mỗi cá nhân. Trong hệ thống giáo dục hiện nay từ cấp học phổ thông đến giáo dục chuyên nghiệp đang tồn tại sự rập khuôn khó hiểu. Đào tạo nghề đang tạo ra hàng loạt người lao động với những kỹ năng nghề nghiệp hoàn toàn giống nhau mang tính chất chung chung. Và rồi hàng loạt người lao động giống nhau đi “tranh chấp” một số lượng công việc nhất định, trong khi những công việc đòi hỏi kỹ năng riêng, chuyên sâu hơn thì ít người làm được. Và hiển nhiên thất nghiệp lại diễn ra, đó là một trong những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

Hướng hoàn thiện giáo dục phục vụ phòng ngừa tội phạm đồng thời cũng là hướng hoàn thiện đòi hỏi cho phát triển xã hội.

3.1.3. Tăng cường các giải pháp quản lý

Hoàn thiện các thể chế quản lý cũng như hiệu quả trên thực tế trong quản lý xã hội theo kịp sự thay đổi nhanh chóng hiện nay của đời sống xã hội. Một mặt đảm bảo cho yêu cầu phát triển, mặt khác không tạo ra những lỗ hổng, khiếm khuyết trong quản lý chính là nguyên nhân điều kiện của tình hình tội phạm.

Hoàn thiện quản lý nhà nước đó là hoàn thiện thể chế hay cụ thể hơn là hệ thống pháp luật và mệnh lệnh quản lý. Hoàn thiện quản lý cũng là việc xây dựng đội ngũ công chức có phẩm chất và năng lực quản lý.

3.1.4. Tăng cường các giải pháp pháp luật

*** Hoàn thiện pháp luật hình sự**

Pháp luật hình sự mà trọng tâm là Bộ luật hình sự hiện hành đã phát huy được hiệu quả, cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm

trong thời kỳ mới. Tuy nhiên, bộ luật hình sự cũng bộc lộ những hạn chế nhất định, quốc hội khóa XII cũng đã đưa vào chương trình xây dựng luật. Trong phạm vi đề tài, trên cơ sở định hướng chiến lược cải cách tư pháp, những dữ liệu nghiên cứu từ thực tế tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ từ năm 2012 đến năm 2016 đề đề xuất hướng hoàn thiện.

- Giảm số lượng tội danh trong Bộ luật hình sự, quy định tội phạm cụ thể tại các luật chuyên ngành

Huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh là địa bàn ngoại thành của Thành phố Hồ Chí Minh, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển hàng đầu trong cả nước, có nhiều quan hệ kinh tế - xã hội mới phát sinh. Và tất nhiên là nơi có sự đa dạng nhất của các loại hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội. Tuy nhiên trong 5 năm từ từ năm 2012 đến năm 2016 chỉ có 24 tội danh xảy ra trên thực tế trong tổng cộng 239 tội danh (trừ các tội danh thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án quân đội). Tỷ lệ ít ỏi này đang phản ánh thực trạng của Bộ luật hình sự: Bộ luật quy định quá nhiều hành vi phạm tội so với đời sống thực tế xã hội, các tội phạm được quy định khó áp dụng, các hành vi chưa đến mức quy định là hành vi phạm tội. Thực trạng đó bộ luật hình sự cần phải được nghiên cứu, đánh giá sửa đổi theo hướng:

Một bộ luật hình sự quy định quá nhiều tội phạm cụ thể mà các tội phạm đó xuất hiện quá ít trong đời sống xã hội là bộ luật không hiệu quả. Nó như là “vòng kim cô” áp đặt hành vi của xã hội trong một giới hạn không cần thiết. Trong xã hội hiện nay vẫn còn không ít người quan niệm luật hình sự như là một loại “kháng sinh” đủ mạnh để chữa mọi “bệnh tật” của xã hội mà không tính đến khả năng “phản ứng phụ” hay “nhờn thuốc” của nó. Và cũng đáng tiếc là những người đó lại là người có ảnh hưởng lớn đến Bộ luật hình sự. Đó là những người được giao soạn thảo dự luật, những người bấm nút thông qua bộ luật. Những người được giao soạn thảo dự luật, thường là các cơ quan nhà nước, đứng trên tâm thế nghề nghiệp của họ để cho ra đời những dự thảo luật ít nhiều xuất phát từ những lợi ích của hệ thống cơ quan đó. Sự đóng góp của các nhà khoa học và người dân chưa có cơ chế cụ thể để

buộc họ phải tiếp thu. Tỷ lệ đại biểu quốc hội có chuyên môn về luật ít, hầu hết am hiểu pháp luật chưa đáp ứng được chức trách, nhiệm vụ của mình nhưng lại ít tìm đến sự hỗ trợ của các chuyên gia luật. Thảo luận luật tại nghị trường thường sa vào tranh luận câu chữ hoặc những đề xuất tội phạm hóa như trộm chó, rải đinh Thực tế đó dẫn đến sự ra đời một bộ luật hình sự chưa hiệu quả là tất yếu. Dẫn ra thực tế như vậy để chứng minh cho thực trạng tội danh xảy ra trên thực tế quá ít so với số tội danh quá lớn quy định trong bộ luật hình sự. Do đó cần phải thay đổi cơ chế làm luật hiện nay để đáp ứng yêu cầu thực tiễn là tất yếu.

Chỉ tội phạm hóa những hành vi nào phải qua đánh giá mức độ nguy hiểm thực tế của nó chứ không phải là qua dư luận, chạy theo dư luận. Phải có công trình nghiên cứu thực tiễn để đánh giá mức độ nguy hiểm, tần suất xuất hiện, có sự so sánh về lợi ích xã hội giữa việc tội phạm hóa và không tội phạm hóa.

Cần phải có sự đánh giá, rà soát tổng thể để phi tội phạm hóa những hành vi do thay đổi của tình hình không còn nguy hiểm cho xã hội ở mức cần thiết phải quy định là tội phạm nữa, những tội mà hành vi bị thu hút vào tội khác, những tội mà hành vi không quá nguy hiểm cho xã hội mà tần suất xảy ra ít.

Đã đến lúc chúng ta phải thay đổi cơ chế làm luật để từng bước nghiên cứu, quy định tội phạm cụ thể trong luật chuyên ngành. Một mặt giảm sự đồ sộ của bộ luật hình sự, đảm bảo tính ổn định. Mặt khác việc quy định tội phạm ở đó tác động trực tiếp đến những người hoạt động trong lĩnh đó đâu là giới hạn hành vi; đánh giá để tội phạm hóa hay phi tội phạm hóa cũng thuận tiện, chính xác hơn, thủ tục đơn giản hơn. Tuy nhiên thực tiễn hoạt động tư pháp hình sự ở Việt Nam trong thời gian qua là bài học cho việc cân nhắc thận trọng nội dung này.

- Giảm hình phạt tù, quy định các hình phạt khác không phải tù phù hợp với bản chất từng loại tội phạm

Mặc dù bộ luật hình sự quy định nhiều loại hình phạt phù hợp với từng loại tội phạm và nhân thân người phạm tội để đảm bảo cho hình phạt không chỉ là trừng trị mà còn mang tính giáo dục. Tuy nhiên trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2016 tại huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh tất cả các bị cáo được đưa ra xét xử

đều được áp dụng hình phạt tù hoặc án treo (miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện). Thực trạng này không chỉ tồn tại ở huyện Củ Chi mà còn ở nhiều quận, huyện khác. Trong khi đa số các tội phạm được thực hiện do động cơ vụ lợi, nhưng hình phạt tiền lại ít được quy định và hoàn toàn không được áp dụng ở huyện Củ Chi. Hệ quả là hàng năm phải đưa vào nhà tù một số lượng phạm nhân quá lớn so với mức chịu đựng (trong đó có cả những người không cần thiết phải chịu án phạt tù) làm cho công tác giáo dục, cải tạo kém hiệu quả, kinh phí đảm bảo tốn kém, mất nguồn lực lao động của xã hội. Các nghiên cứu đã chỉ ra hình phạt quá nặng hay quá nhẹ không tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội, không phù hợp bản chất tội phạm đều không mang lại hiệu quả. Rõ ràng một người “vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng”, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, tích cực khắc phục hậu quả, thì áp dụng hình phạt tù là hoàn toàn không phù hợp; áp dụng hình phạt tù cho hầu hết người phạm tội là người chưa thành niên lại càng phản tác dụng. Nhưng trên thực tế điều đó vẫn diễn ra. Thực trạng đó là sự ảnh hưởng của quan niệm xã hội đã là tội phạm thì phải trừng trị nặng. Quan niệm đó ảnh hưởng đến cả tư duy, tâm lý của những người tiến hành tố tụng dẫn đến người tiến hành tố tụng nhất là công tố viên, thẩm phán thiếu bản lĩnh trong xét xử. Đó còn là hệ quả của việc cơ quan điều tra đã lạm dụng áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam quá mức cần thiết trước đó. Và theo quan điểm cá nhân người nghiên cứu đó còn là hệ quả của sự quy định không rõ ràng, chặt chẽ, cho phép sự lựa chọn quá rộng trong áp dụng hình phạt. Trong bộ luật hình sự phân các tội phạm cụ thể việc quy định trong một khung hình phạt có 3 loại hình phạt chính (hình phạt cao nhất là tù có thời hạn) là khá phổ biến. Tuy nhiên chúng ta thấy hiện nay không có tiêu chí luật định cụ thể nào cho việc áp dụng các loại hình phạt đó, và rồi các thẩm phán lại đành cho bị cáo hình phạt tù chiếm hầu hết. Để giải quyết thực trạng đó, dưới góc độ luật hình sự cần phải:

Mở rộng, quy định cụ thể tội phạm cụ thể nào không được áp dụng hình phạt tù mà phải áp dụng hình phạt khác phù hợp với mức độ nguy hiểm của hành vi, yêu

cầu của thực tiễn phòng, chống tội phạm hiện nay.

Quy định chỉ áp dụng hình phạt tù đối với những người phạm tội có những đặc điểm nhân thân nhất định mà xét thấy với những đặc điểm nhân thân đó để giáo dục, cải tạo cần thiết phải cách ly đời sống xã hội trong một thời gian.

Thu hẹp lựa chọn hình phạt trong một khung hình phạt nhất định, giảm bớt các loại hình phạt trong một khung hình phạt.

Chỉ áp dụng hình phạt tù cho người chưa thành niên phạm tội với những quy định chặt chẽ để giảm bớt việc áp dụng hình phạt tù cho nhóm người phạm tội này.

Thực trạng thi hành hình phạt tù hiện nay bộc lộ những hạn chế đòi hỏi phải nghiên cứu để áp dụng các hình phạt khác phù hợp hơn: ít hạn chế quyền con người hơn, hiệu quả giáo dục cao hơn, ít tốn kém nguồn lực xã hội hơn.

- Tội phạm hóa hành vi làm giàu bất chính

Tham nhũng đang ngày một trầm trọng gây bức xúc trong dư luận nhân dân. Thế nhưng tại địa bàn quận trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2016 không ghi nhận một vụ án nào liên quan đến tham nhũng, đây cũng là tình trạng chung của các quận, huyện khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ ẩn của tội phạm về tham nhũng đang đạt tỷ lệ gần như tuyệt đối. Để chống tham nhũng hay nói cách khác tội phạm về tham nhũng phải được phát hiện và xử lý thì đòi hỏi phải thay đổi cơ chế hoạt động của quản lý nhà nước. Nghĩa là các văn bản pháp luật ở các ngành luật khác cần phải được hoàn thiện hơn. Trên góc độ luật hình sự cần phải hoàn thiện theo hướng:

Quy định thêm tội “ làm giàu bất chính” để tịch thu tài sản của những người tham nhũng, tránh tình trạng do không chứng minh được hành vi tham ô, nhận hối lộ mà chuyển sang truy tố sang tội “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” vừa thiếu nghiêm minh vừa không tịch thu được tài sản. Quy định tội này cũng làm cho việc phòng chống tội phạm ma túy có hiệu quả hơn.

*** Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự**

Pháp luật tố tụng hình sự là hệ thống các văn bản quy định về thủ tục tiến hành tố tụng hình sự, đảm bảo cho hoạt động tố tụng hình sự khách quan, chính xác,

kịp thời, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo và tôn trọng quyền con người. Với nòng cốt là bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản dưới luật đã tạo ra một cơ chế cho hoạt động tố tụng hình sự, góp phần vào giữ vững an ninh trật tự trong thời gian qua. Tuy nhiên với sự thay đổi nhanh chóng của các điều kiện kinh tế xã hội, sự hội nhập sâu rộng của Việt Nam trong nhiều lĩnh vực vào sân chơi toàn cầu, sự thúc đẩy và đòi hỏi mở rộng dân chủ, đề cao quyền con người trong giai đoạn hiện nay đã làm cho hệ thống pháp luật tố tụng hình sự bộc lộ những hạn chế. Trong phạm vi đề tài, qua những nghiên cứu về thực tiễn tình hình tội phạm tại địa bàn huyện Củ Chi, trên cơ sở thực tiễn đó đề xuất hướng hoàn thiện sát với thực tiễn đã nghiên cứu.

- Quy định cụ thể quy trình, trách nhiệm trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm.

Qua nghiên cứu, tỷ lệ vụ án khám phá không thành công chiếm một tỷ lệ rất lớn, có nhiều tội phạm đã xảy ra mà cơ quan điều tra không có thông tin về tội phạm hoặc thông tin đến không kịp thời. Có nhiều nguyên nhân để dẫn đến tình trạng đó nhưng có nguyên nhân từ chính quá trình nhận và giải quyết tin báo về tội phạm. Đó là không phải tất cả mọi tin báo về tội phạm không đến được cơ quan điều tra một cách đầy đủ và kịp thời; quá trình xác minh ban đầu về tin báo tố giác đang bộc lộ nhiều hạn chế; sự kiểm sát đối với tin báo tố giác tội phạm của viện kiểm sát đang có nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Tất nhiên trong những hạn chế đó một phần chịu sự tác động của chính năng lực, đạo đức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chứ không phải hoàn toàn do quy định của pháp luật.

Tại điều 101 bộ luật tố tụng hình sự quy định: “Công dân có thể tố giác tội phạm với cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án hoặc với cơ quan, tổ chức khác”, “cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc nhận được tố giác của công dân phải báo tin ngay về tội phạm cho cơ quan điều tra bằng văn bản.”. Như vậy cơ quan điều tra là đầu mối nhận tin báo và xử lý tin báo.

Nhưng thực tế hiện nay hầu hết tin báo, tố giác về tội phạm được người dân thực hiện tại công an phường, xã. Sau khi nhận tin báo công an phường, xã xác

minh ban đầu rồi mới phân loại và báo lên cơ quan điều tra công an quận, huyện. Đó là quy trình bình thường. Ngay trong quy trình bình thường đã bộc lộ nhiều hạn chế. Đội ngũ cán bộ công an phường, xã với sự hiểu biết về pháp luật, nghiệp vụ nhất định và có thể nói là cả tác phong, thái độ không chuyên nghiệp. Trong quá trình xác minh đã bộc lộ hạn chế về xử lý thông tin, non kém nghiệp vụ, cả những thái độ, có khi là cả những đòi hỏi không chính đáng dẫn đến không được sự hợp tác của nhân dân. Đó là còn chưa kể đến khi nhận được thông tin về tội phạm có nhiều công an phường, xã (mặc dù không thuộc thẩm quyền và trình độ để xử lý) vì những lợi ích nhất định đã giữ lại để xử lý, khi không xử lý được mới báo lên trên, hậu quả làm mất sự tin tưởng của người dân, tính kịp thời trong xử lý tin báo. Thực trạng đó là nguyên nhân cho việc xử lý tin báo, tố giác không hiệu quả, kịp thời, không có được sự hợp tác của nhân dân thậm chí còn bị nhân dân chống đối, đối phó.

Để khắc phục hạn chế đó trong quy trình nhận và xử lý tin báo về tội phạm phải hoàn thiện theo hướng cơ quan điều tra phải được nhận ngay tin báo tố giác về tội phạm, phải trực tiếp xử lý tin báo tố giác đó. Cần quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ của mình nhận được tin báo, phát hiện tội phạm mà không báo ngay cho cơ quan điều tra. Quy định chế độ kiểm sát xử lý tin báo của Viện kiểm sát. Cần phải đảm bảo cho cơ quan điều tra đủ số lượng cán bộ có năng lực, phẩm chất để trực tiếp xử lý tin báo tố giác về tội phạm.

- Hạn chế tội được áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam, các căn cứ áp dụng tạm giam phải được chứng minh thực tế

Qua khảo sát 98% số người bị tình nghi phạm tội bị tạm giữ để điều tra, xác minh; 95,7 % bị can bị tạm giam để điều tra, 2,3% bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, 2% bị can được cho bảo lãnh, 0% bị can được cho đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Như vậy biện pháp ngăn chặn là tạm giữ và tạm giam đang được áp dụng áp đảo. Đặc biệt là biện pháp tạm giam biện pháp hạn chế nhiều quyền của người bị áp dụng.

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn tạo thuận lợi cho cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án, đảm bảo không cho bị can trốn, cản trở điều tra. Là điều cần thiết cho những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, những vụ án có đồng phạm. Tuy nhiên tạm giam lại là biện pháp hạn chế nhiều quyền con người của bị can (người đang bị tình nghi phạm tội). Trong quá trình tạm giam và hỏi cung tại trại tạm giam, bị can bị áp đảo về tâm lý, cơ quan điều tra có điều kiện áp dụng nhiều “chiến thuật” dễ dẫn đến bức cung, ép cung, dùng nhục hình buộc bị can phải khai (vi phạm quyền im lặng), dễ gây ra oan sai.

Vì là có lợi cho hoạt động điều tra nên cơ quan điều tra thường hay áp dụng là lẽ tất nhiên. Ngược lại, trừ những đối tượng đặc biệt, tạm giam chỉ bị hạn chế đối với tội phạm có khung hình phạt từ 2 năm tù trở xuống mà những tội này trên thực tế xử lý rất ít.

Trong những năm qua, việc lạm dụng tạm giam đã làm cho trại tạm giam Chí Hòa, các buồng tạm giam tại nhà tạm giữ của công an các quận, huyện quá tải rất lớn. Các điều tra viên thường chú tâm vào lấy cung mà nhiều khi bỏ qua chứng cứ khác quan trọng hơn làm cho hoạt động công tố thiếu thuyết phục, một số lượng lớn bị can bị tạm giam không cần thiết bị xâm hại đến quyền con người, ảnh hưởng trên thực tế đến việc áp dụng hình phạt không phải là hình phạt tù sau này của tòa án.

Từ những căn cứ thực tế đó pháp luật tố tụng hình sự phải giảm bớt các tội được áp dụng biện pháp tạm giam; tình tiết “cản trở điều tra”, “trốn”, “tiếp tục phạm tội” phải được chứng minh có căn cứ trên thực tế. Mở rộng các biện pháp ngăn chặn khác đặc biệt là biện pháp “đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm” phù hợp với tình hình hiện nay.

- Quy định cơ chế tố tụng đặc biệt đối với tội phạm về tham nhũng

Tham nhũng được xác định là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Dưới áp lực của hội nhập quốc tế, áp lực của nhân dân, Đảng và nhà nước đang quyết liệt triển khai phòng chống tham nhũng. Trên thực tế tham nhũng và tội phạm tham nhũng đang diễn biến phức tạp gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước, làm mất lòng tin của nhân dân. Thực tế các ngành thanh tra, kiểm toán,

các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án đã vào cuộc nhưng hiệu quả rất thấp. Tham nhũng loại tội phạm đặc biệt, với ưu thế của những chủ thể tham nhũng có thể làm sai lệch hoạt động của các cơ quan này. Thực tế đã chứng minh tham nhũng cũng đã xảy ra trong các cơ quan thực hiện phòng, chống tham nhũng. Do vậy hiệu quả thấp là một tất yếu. Cần phải có cơ chế, quy trình tố tụng đặc biệt từ khâu nhận tin báo, tố giác, xác minh tin báo, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm tham nhũng, cơ chế bảo vệ người tố giác. Quy trình này phải do một cơ quan độc lập mà đối tượng tham nhũng khó có thể tác động được. Đây cũng là hướng giải quyết của nhiều quốc gia khác. Chúng ta không bắt chước nhưng thực tiễn phòng, chống tội phạm tham nhũng tại Việt Nam hiện nay đang đòi hỏi một cơ chế như thế.

*** Hoàn thiện pháp luật thi hành án**

Luật thi hành án hình sự được quốc hội thông qua ngày 17/6/2010 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2011. Trong thời gian qua luật thi hành án cùng với các văn bản pháp luật thi hành án đã làm cơ sở, đảm bảo cho việc thi hành các hình phạt của vụ án hình sự. Trong phạm vi đề tài, trên cơ sở nghiên cứu thực tế để đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật thi hành án hình sự đảm bảo sự nghiêm minh, tính hướng thiện, tính giáo dục... đảm bảo cho việc phòng ngừa tái phạm của người phạm tội.

Qua khảo sát tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ 2012 đến 2016 có đến 19% trong tổng số người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Chỉ số này phản ánh khả năng tái hòa nhập cộng đồng không hiệu quả, người đã thực hiện tội phạm lại tiếp tục thực hiện tội phạm. Nguyên nhân, một mặt là do xã hội với những định kiến chưa thực sự tạo điều kiện cho người phạm tội, mặt khác chính người phạm tội không có những kỹ năng cần thiết để hòa nhập. Chúng ta phải tuyên truyền, giáo dục cho mọi người dân dần dần bỏ đi những định kiến cũ, phân quan trọng hơn là chính quá trình thi hành án (chủ yếu là hình phạt tù) phải giáo dục đạo đức, pháp luật, trang bị và thực hành kỹ năng nghề nghiệp cho họ để khi ra tù họ có khả năng kiếm sống hợp pháp nuôi sống mình.

Với 98,4% bị cáo dưới 60 tuổi, 40% bị cáo dưới 30 tuổi, 94% không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, 94,4% người phạm tội vì mục đích tài sản, 87% người phạm tội chưa tốt nghiệp cấp 3. Với những đặc điểm nhân thân đó việc đào tạo nghề và thực hành kỹ năng nghề nghiệp cho người đang chấp hành hình phạt tù trong thời gian thụ án là cần thiết. Đa số người phạm tội cần một công việc ổn định để sống, để xóa bỏ tự ti, để hòa mình vào dòng chảy đời sống sau khi ra tù mà với những yếu điểm của mình họ khó tự giải quyết được. Xã hội cần vì không phải nuôi không một số lượng người khá lớn trong khi họ còn sức lao động, không phải chịu sự gây hại của hành vi phạm tội tiếp theo của họ, không phải tốn chi phí cho việc tiến hành tố tụng và thi hành án cho việc tái phạm của họ.

Tất nhiên để thực hiện được điều này mặc dù là hết sức cần thiết nhưng không dễ đối với điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại, đặc biệt là những định kiến về người phạm tội ở Việt Nam hiện nay. Để thực hiện được nó cần thay đổi tư duy về thi hành án phạt tù, pháp luật thi hành án, cơ chế chính sách để huy động nguồn lực xã hội trong điều kiện ngân sách nhà nước eo hẹp. Nói như thế không phải là sự bất khả thi. Chúng ta mạnh dạn đổi mới tư duy để thí điểm một cách đầy đủ tất yếu sẽ tìm ra được mô hình hợp lý nhất.

3.2. Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh và việc hoàn thiện tổ chức phòng ngừa

Phòng ngừa tội phạm là nhiệm vụ của toàn dân, của các tổ chức Đảng, cơ quan dân cử, cơ quan hành chính, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan phòng ngừa chuyên trách, cơ quan xử lý tội phạm, lực lượng quần chúng nhân dân, trong đó các cơ quan, tổ chức và lực lượng quần chúng nhân dân với chức năng, nhiệm vụ khác nhau. Trên thực tế tình hình tội phạm đã khảo sát, định hướng cải cách tư pháp, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, đề tài chỉ tập trung vào việc hoàn thiện những thiết chế phòng ngừa có tác động trực tiếp nhất.

- Hoàn thiện ban chỉ đạo của chính phủ thực hiện chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là Ban chỉ đạo 138)

Ban chỉ đạo 138 các cấp được thành lập và hoạt động từ năm 1998. Trong thời gian hoạt động đã phát huy được hiệu quả nhất định đối với công tác phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế và cần phải được hoàn thiện theo hướng:

Tuyển chọn, bố trí những cán bộ có phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm, nhiệt huyết trong công tác phòng, chống tội phạm. Đây thực sự là cơ quan quan trọng trong chương trình phòng, chống tội phạm của quốc gia cũng như từng tỉnh, thành. Là cơ quan tham mưu cho Đảng, chính phủ, ủy ban nhân dân các chương trình phòng, chống tội phạm cũng như xây dựng các lực lượng phòng, chống tội phạm. Trực tiếp chỉ đạo các chương trình đó và phân công, phối hợp các lực lượng.

Hợp nhất các ban chỉ đạo các lĩnh vực phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống tệ nạn xã hội về một đầu mối thống nhất để đảm bảo tính tổng thể trong công tác phòng ngừa.

- Hoàn thiện cơ quan phòng ngừa chuyên trách.

Cơ quan phòng ngừa tội phạm chuyên trách được giao cho Bộ Công an và các cơ quan thuế, hải quan, biên phòng ... được được bố trí thành các lực lượng có khả năng phòng ngừa theo chức năng hoạt động của mình. Trong thời gian qua hoạt động của các cơ quan này đã góp phần vào hiệu quả phòng ngừa tội phạm nhưng vẫn còn bộc lộ hạn chế và cần hoàn thiện.

Xây dựng lực lượng có đầy đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực phòng ngừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Có cơ chế để chống lại sự làm vô hiệu hóa các cơ quan này.

Nâng cao hiệu quả hoạt động để tìm ra những sơ hở trong các lĩnh vực hoạt động của mình là nguyên nhân điều kiện của tội phạm, ngăn chặn tội phạm phát sinh, phát hiện xử lý tội phạm đã và đang xảy ra.

Phải biết động viên, tập hợp quần chúng nhân dân và bảo vệ quần chúng nhân dân khi hợp tác với hoạt động của mình.

Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng để xử lý hiệu quả các tội phạm đã xảy ra.

- Đổi mới hoạt động của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Hoạt động hữu hiệu của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước sẽ góp phần ngăn chặn hiệu quả tội phạm nhất là tội phạm về tham nhũng, nhưng trên thực tế hoạt động của các cơ quan này còn có nhiều bất cập phải hoàn thiện.

Xây dựng đội ngũ có năng lực, có trình độ trong lĩnh vực hoạt động của mình, có phẩm chất đạo đức, liêm khiết đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan này.

Xây dựng cơ chế trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu cơ quan, của các thanh tra viên, kiểm toán viên.

Pháp luật phải tạo ra được quy định cụ thể để ngăn ngừa sự hình thành các lợi ích nhóm, sự tác động làm sai lệch kết quả trong các hoạt động này.

- Hoàn thiện cơ quan thi hành án phạt tù, thi hành các hình phạt cải tạo không giam giữ, các trường giáo dưỡng.

Lấy giáo dục hướng thiện và trang bị khả năng hòa nhập cộng đồng cho phạm nhân, người chấp hành hình phạt, các học sinh làm mục đích hoạt động.

Xây dựng, bố trí đội ngũ cán bộ có phẩm chất, có năng lực giáo dục chuyên biệt phù hợp với đặc điểm nhân thân của từng loại đối tượng.

Đổi mới giáo dục theo hướng kết hợp hiệu quả giữa giáo dục đạo đức và đào tạo nghề, kỹ năng sống, đảm bảo tôn trọng quyền con người.

- Hoàn thiện các cơ quan thực hiện nhiệm vụ tố tụng hình sự

Các cơ quan tố tụng hình sự có nhiệm vụ phát hiện và xử lý tội phạm, qua việc phát hiện xử lý tội phạm để nhằm đạt được mục đích phòng ngừa ở các khía cạnh sau: phát hiện nhanh chóng, kịp thời xử lý nghiêm minh trước pháp luật là nhằm đảm bảo công lý, ai thực hiện hành vi phạm tội đều bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật, làm cho những người khác thấy được hậu quả bất lợi là tất yếu mà tự điều chỉnh hành vi của mình, ngăn ngừa những người đã có hành vi phạm tội tiếp tục phạm tội; qua phát hiện xử lý tội phạm tìm ra nguyên nhân điều kiện, các dữ liệu thu được phản ánh thực trạng, xu hướng, cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm để trên cơ sở đó nhằm thiết kế tiến hành các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu, sát thực tế.

Cần phải đổi mới hoạt động của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án theo định hướng cải cách tư pháp đã đề ra một cách nhanh chóng, triệt để.

Xây dựng đội ngũ các chức danh tư pháp có phẩm chất, năng lực, hoàn thiện hệ thống cơ quan hỗ trợ tư pháp cũng như cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Hợp tác quốc tế về tư pháp để tận dụng kinh nghiệm, kiến thức, công nghệ của nước ngoài để xây dựng lực lượng cũng như đáp ứng sự yêu cầu của phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

Gắn hoạt động của các cơ quan điều tra theo tổ tụng và các cơ quan trình sát, cơ quan phòng ngừa của các lĩnh vực như thanh tra, hải quan, thuế ... để vừa đáp ứng yêu cầu phòng ngừa cũng khả năng thu thập chứng cứ.

- Đổi mới hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội

Xã hội đang thay đổi và phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực đặt ra thách thức quá lớn cho quản lý nhà nước. Các cơ chế tự quản như trước đây đang dần bị mất hiệu quả như sự tự quản của gia đình, dòng họ, cộng đồng làng xã ... Sự thách thức đó đòi hỏi phải có sự thay đổi tư duy trong quản lý xã hội: Các cơ quan của nhà nước không thể quản lý tốt xã hội nếu không phát huy được sự tự quản của chính xã hội, trong phòng ngừa tội phạm cũng thế. Vì vậy vai trò của các tổ chức chính trị- xã hội, các hội đoàn là vô cùng quan trọng trong sự tự quản đó. Các tổ chức hội đoàn vừa hướng người dân vào các hoạt động nghề nghiệp, hoạt động là sở thích đam mê và qua đó phát huy được cơ chế tự kiểm soát cũng như kiểm soát qua lại giữa các thành viên.

Phải xây dựng và ban hành luật về hội để các hội đoàn thành lập và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật đó và phát huy hiệu quả quản lý xã hội của mình.

Đổi mới các tổ chức chính trị - xã hội, các hội đoàn hiện có hiện nay để hoạt động của các tổ chức này hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng của nó. Động viên các đoàn viên, hội viên tham gia vào các phong trào xã hội (trong đó có phòng chống tội phạm) vì chính lợi ích của các hội viên và xã hội.

- Động viên quần chúng nhân dân trong phòng chống tội phạm

Chúng ta hoàn thiện các tổ chức phòng ngừa mà không phát huy được sự tham gia của nhân dân vào công cuộc phòng, chống tội phạm thì có lẽ là vô nghĩa. Nhân dân là người làm chủ xã hội, mọi cuộc vận động xã hội, phong trào xã hội nếu không có sự tham gia của người dân sẽ là tất yếu thất bại. Trong công cuộc phòng, chống tội phạm cũng vậy.

Lịch sử dân tộc đã chứng minh, mỗi khi đất nước gặp khó khăn thì lòng yêu nước, sự đoàn kết một lòng của toàn dân tộc đã chiến thắng mọi hoàn cảnh. Có được những điều kỳ diệu đó là vì mọi người nhận thức được rằng quyền lợi của mỗi cá nhân đang bị đe dọa nếu không cùng nhau để giải quyết quyền lợi tập thể.

Thực trạng và xu thế của tình hình tội phạm hiện nay cũng đang xâm hại và đe dọa xâm hại đến chính xã hội và mỗi thành viên trong xã hội, làm đảo lộn trật tự xã hội, xâm phạm những giá trị xã hội, xâm phạm đến cuộc sống yên bình, hạnh phúc, an toàn của mỗi người dân. Để tập hợp được quần chúng nhân dân tham gia trách nhiệm vào phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm cần:

Nâng cao trình độ dân trí, tuyên truyền, giáo dục để cho đại bộ phận nhân dân nhận thức đúng đắn về tình hình tội phạm hiện nay và sự nguy hại của nó nếu mỗi cá nhân trong cộng đồng không phát huy trách nhiệm của mình vì lợi ích chung.

Các cơ quan phòng ngừa tội phạm chuyên trách phải thực sự là lực lượng nòng cốt thiết kế, hỗ trợ để vận động các hội đoàn, tập hợp nhân dân tham gia vào các phong trào phòng, chống tội phạm một cách có hiệu quả.

Các cơ quan tố tụng, cơ quan bảo vệ pháp luật phải thực sự bảo vệ được quyền lợi của người dân khi bị tội phạm xâm hại, đe dọa xâm hại khi tham gia phòng, chống tội phạm.

Các cơ quan, các tổ chức, hội đoàn, các chương trình, biện pháp phòng ngừa tội phạm phải thực sự vì lợi ích của nhân dân.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016, định hướng cải cách tư pháp, thực trạng phòng ngừa tội phạm

hiện nay, tác giả đã phân tích và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật thi hành án; phân tích và đưa ra các giải pháp để hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm; phân tích tổng kết và đưa ra các định hướng hoàn thiện hệ thống tổ chức phòng ngừa.

KẾT LUẬN

Trong xu thế chung, tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh đang có động thái gia tăng cả về số lượng và tính chất nguy hiểm. Nhu cầu đảm bảo một nền an ninh trật tự ổn định làm tiền đề cho sự phát triển kinh tế- xã hội đang đặt ra cho công cuộc phòng ngừa tội phạm là cấp bách và cần thiết.

Luận văn là một hệ thống lý luận về tình hình tội phạm trên cơ sở kế thừa các công trình khoa học của nhiều tác giả và có sự phát triển thêm của cá nhân người nghiên cứu. Hệ thống đó một mặt làm rõ, bổ sung thêm cho lý luận về tình hình tội phạm. Mặt khác là cơ sở, là phương hướng để áp dụng vào nghiên cứu, khảo sát thực tiễn tình hình tội phạm của một địa bàn nhất định.

Trên cơ sở hệ thống lý luận đó, áp dụng nhiều phương pháp nghiên cứu, tác giả đã nghiên cứu, phân tích một cách đầy đủ về thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016. Cơ sở thực tiễn để nghiên cứu là số liệu thống kê tội phạm của các ngành, từ các bản án, dữ liệu điều tra xã hội học, phỏng vấn chuyên gia trong sự liên hệ với các hiện tượng, quá trình xã hội diễn ra trên địa bàn huyện Củ Chi.

Với những dữ liệu thực tế thu được từ thực tiễn tình hình tội phạm kết hợp với định hướng cải cách tư pháp, định hướng và thực tiễn phòng ngừa tội phạm, luận văn đã phân tích và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật thi hành án, hệ thống các biện pháp phòng ngừa và hệ thống các chủ thể phòng ngừa để đáp ứng yêu cầu của phòng ngừa tội phạm trên thực tế.

Hy vọng những kiến nghị hoàn thiện đó được xem xét và đưa vào thực tiễn phòng ngừa tình hình tội phạm tại huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh và các địa bàn tương tự khác.

Trong phạm vi luận văn, tác giả chắc chắn chưa giải quyết hết được những vấn đề liên quan đến lý luận tình hình tội phạm, thực tiễn tình hình tội phạm huyện Củ Chi cũng như sự chủ quan trong các kiến nghị hoàn thiện. Và tất nhiên vẫn còn tồn tại những khiếm khuyết, sai sót nhất định. Rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô và các bạn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo 138 Chính phủ (1999), *Kế hoạch số 01/BCĐ138/CP ngày 10/12/1999 triển khai thực hiện nghị quyết 09/CP ngày 31/7/1998 của chính phủ và chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*;
2. Ban thường vụ quận ủy huyện Củ Chi (2011), *Kế hoạch số 12-KH/QU ngày 30/3/2011 về Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 31/10/2010 của Ban thường vụ thành ủy về thực hiện Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*;
3. Ban thường vụ thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 31/10/2010 về thực hiện Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*;
4. Ban thường vụ thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 20/6/2012 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới”*;
5. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 22/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*;
6. Bộ chính trị (2010), *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*;
7. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết 49/NQ-TU ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp*;
8. Bộ Công an (1999), *Kế hoạch số 358/KH-BCA ngày 12/4/1999 thực hiện Nghị quyết số 09/CP và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của chính phủ*;
9. Nguyễn Văn Cảnh, Phạm Văn Tinh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội;

10. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*;
11. Công an huyện Củ Chi (2015), *Báo cáo tổng kết năm 2015*;
12. Công an huyện Củ Chi(2015), *Thống kê hình sự năm 2015*;
13. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Kế hoạch số 218/KH-CATP-PV11 ngày 23/11/2012 về tăng cường phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu trên đường phố và nơi công cộng*;
14. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Kế hoạch số 507/KH-CATP-PV11 ngày 29/5/2014 về đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức trên địa bàn thành phố*;
15. Nguyễn Phương Hoa (2014), *Luật hình sự quốc tế với việc đảm bảo quyền con người*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh;
16. Dương Tuyết Miên (2010), *Bàn về tội phạm rõ, tội phạm ẩn trong tội phạm học*, Tạp chí luật học, (số 03), tr. 27-32;
17. Dương Tuyết Miên (2013), *Tội phạm học đương đại*, Nxb Chính trị- Hành chính, Hà Nội;
18. Phan Tô Ngọc (2015), *Các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội;
19. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 sửa đổi bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
20. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
21. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
22. Quốc hội (2011), *Luật Thi hành án hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;

23. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 về phê duyệt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*;
24. Trịnh Việt Tiến (2008), *Khái niệm về phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, (số 24), tr. 185-199;
25. Phạm Văn Tĩnh, Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
26. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Một số vấn đề về lý luận tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
27. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - Mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (Số 6), tr. 1-9;
28. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (Số 4), tr. 28-39;
29. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm học và nhu cầu nâng cao trình độ lý luận tội phạm học ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (số 12), tr. 11-19;
30. Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (2015), *Bản án hình sự năm 2015*;
31. Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (2015), *Báo cáo tổng kết năm 2015*
32. Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (2015), *Thống kê hình sự năm 2015*;
33. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo tổng kết năm 2015*;
34. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Thống kê hình sự năm 2015*;
35. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm*, Tạp chí Luật học (số 11), tr. 37-51;
36. Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội;
37. Trường đại học luật Hà Nội (2009), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;

38. Nguyễn Thanh Tú (2015), *Các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Nhà Bè Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội;
39. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Kế hoạch số 897/KH-UBND ngày 03/3/2014 về thực hiện công tác phòng, chống tội phạm ma túy và tội phạm mua bán người trên địa bàn thành phố*;
40. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Kế hoạch số 3852/KH-UBND ngày 03/8/2012 về thực hiện chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới”*;
41. Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi (2015), *Báo cáo tổng kết năm 2015*;
42. Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi (2015), *Thống kê hình sự năm 2015*;
43. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Thống kê hình sự năm 2015*;
44. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
45. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
46. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công An Nhân Dân, Hà Nội;
47. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
48. Nguyễn Xuân Yêm (2005), *Phòng chống tội phạm ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;